



TTCS
THANH THANH CÔNG - TÂY BÌNH

SỨC MẠNH TỪ CÔNG NGHỆ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013
CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG THÀNH THÀNH CÔNG TÂY BÌNH

“ VỚI CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI THEO TIÊU CHUẨN CHÂU ÂU, THÀNH THÀNH CÔNG TÂY NINH LUÔN TỰ HÀO VỚI SẢN PHẨM ĐƯỜNG RE CHẤT LƯỢNG CAO, ĐEM LẠI NGUỒN THU LỚN TỪ VIỆC CUNG ỨNG CHO CÁC THƯƠNG HIỆU TÊN TUỔI: PEPSI, COCA-COLA, URC, NESTLE, UNILEVER, VINA CAFÉ,... VÀ THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU KHU VỰC CHÂU Á.

NỘI DUNG

04-07

- 04 Tầm nhìn, Sứ mệnh & Giá trị cốt lõi
- 06 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT



08-33

TỔNG QUAN CÔNG TY

- 10 Giới thiệu chung
- 12 Quá trình hình thành và phát triển
- 14 Các sự kiện nổi bật năm 2013
- 16 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 18 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 26 Định hướng phát triển
- 30 Các yếu tố rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty



34-45

TÌNH HÌNH HĐKD NĂM 2013

- 36 Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2013
- 38 Tổ chức nhân sự
- 40 Tình hình thực hiện các dự án
- 42 Tình hình tài chính
- 44 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



46-63

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

- Báo cáo & đánh giá của Ban Điều hành**
- 48 Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô
- 50 Đánh giá kết quả hoạt động SXKD
- 51 Tình hình tài chính
- 52 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 54 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014
- Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động Công ty**
- 59 Hoạt động của HĐQT
- 61 Kết quả giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành
- 62 Kế hoạch của HĐQT năm 2014



64-83

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 66 Hội đồng Quản trị
- 72 Ban Kiểm soát
- 76 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BDH, BKS



84-136

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 87 Thông tin chung
- 88 Báo cáo của HĐQT
- 89 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 91 Bảng cân đối kế toán
- 94 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 95 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 97 Thuyết minh báo cáo tài chính



Tầm nhìn

Trở thành Công ty sản xuất đường tinh luyện hàng đầu Việt Nam và khu vực.

Sứ mệnh

Cung cấp sản phẩm đường tinh luyện cao cấp đạt tiêu chuẩn Châu Âu, phục vụ cộng đồng vì sức khỏe.

Giá trị cốt lõi

- Thỏa mãn nhu cầu khách hàng là mối quan tâm hàng đầu;
- Nhân viên là tài sản;
- Nông dân là bạn đồng hành;
- Đề cao trách nhiệm xã hội, môi trường và cộng đồng;
- Luôn là người tiên phong.



Kính thưa Quý cổ đông,

Năm 2013 được nhìn nhận là thời gian tiếp tục đầy thử thách với cộng đồng doanh nghiệp nói chung và đặc biệt các doanh nghiệp ngành mía đường nói riêng. Mía đường đã bước vào năm thứ ba của chu kỳ giảm giá khi liên tục phải đối diện với các vấn đề về dư cung, áp lực từ đường lậu, cũng như vấn đề phải giải quyết bài toán chất lượng, giá thành trong điều kiện cân đối được các chính sách để người nông dân vẫn gắn bó với cây mía. Với TTCS, được xem là Công ty có công nghệ sản xuất tiên tiến, chất lượng Châu Âu và đã tạo dựng được uy tín trên thị trường bởi hệ khách hàng Công nghiệp với các yêu cầu về chất lượng đường gât gao nhất... thì đối với chúng tôi, đây là lợi thế,

cũng là áp lực để nỗ lực giữ vững thương hiệu, tiếp tục đồng hành cùng hàng ngàn hộ nông dân trồng mía nhằm ổn định vùng nguyên liệu phục vụ hoạt động, qua đó, duy trì hiệu quả - đảm bảo lợi ích cổ đông, người lao động và tiếp tục hướng đến các mục tiêu vì cộng đồng, xã hội, đóng góp cho ngân sách địa phương.

Trong bối cảnh như thế, điểm sáng trong hoạt động của TTCS năm 2013 được thể hiện qua các chỉ tiêu cao nhất từ trước đến nay như, công suất ép bình quân trên 9.000 tấn mía/ngày (TMN), sản lượng mía ép vụ 2012 - 2013 trên 1.000.000 tấn, sản lượng tiêu thụ đạt 135.000 tấn. Và dù năm 2013, Công ty vẫn duy trì được tỉ suất lợi nhuận trên

vốn ở mức tích cực so với bình quân ngành, nhưng kết quả kinh doanh của Công ty chưa đạt được mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, thực tế Lợi nhuận trước thuế đạt 275 tỉ đồng, tương đương 75% kế hoạch lợi nhuận năm. Hội đồng Quản trị chúng tôi thẳng thắn nhìn nhận đây là chỉ tiêu chưa hoàn thành, do những biến động về sụt giảm giá đường và các yếu tố khác nêu trên. Tuy nhiên, trên một tinh thần chủ động nhất, đó là: nhận diện được những lợi thế của Công ty, xác định những khó khăn và rủi ro sẽ phải đối diện, đặc biệt là với các thách thức theo lộ trình Hiệp định thương mại tự do giữa các nước trong khối ASEAN (AFTA), thuế suất nhập khẩu đường từ các nước ASEAN đã và đang giảm dần

“ Công ty Cổ phần mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (TTCS) hướng đến việc tập trung phát triển vùng nguyên liệu ổn định trên cơ sở đảm bảo lợi ích giữa nông dân và nhà máy; gia tăng cải thiện máy móc thiết bị và kỹ thuật sản xuất để tối ưu hóa hiệu quả sản xuất nhằm đem lại thu hồi tốt nhất.

và từ năm 2015 sẽ về mức 0%... HĐQT chúng tôi đặt mục tiêu cụ thể và quyết tâm với các định hướng xuyên suốt để giải quyết “bài toán giá thành”, thực sự quyết liệt ngay cho năm 2013, từ đó, duy trì nền tảng hoạt động thực sự ổn định, làm cơ sở cho các năm tiếp theo. Việc giảm giá thành được xác định lộ trình cho từng giai đoạn, với các giải pháp cụ thể, đó là (i) quy hoạch vùng nguyên liệu bền vững; (ii) đẩy mạnh cơ giới hóa; (iii) triển khai các giải pháp đồng bộ về nông nghiệp - kỹ thuật; (iv) phát huy hoạt động đồng phát nhiệt điện từ bã mía để góp phần giảm giá thành (v) và đặc biệt là ứng dụng khoa học vào thực tế sản xuất qua việc kết nối với hoạt động Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường TTC - tập trung vào các nhiệm vụ như: phục tráng giống mía, đảm bảo hiệu quả công tác khuyến nông... Với các giải pháp này, chúng tôi tự tin có thể nâng cao “năng lực cạnh tranh cho cây mía TTCS” để ngày càng đủ sức và tự tin trong điều kiện hội nhập.

Thưa Quý cổ đông, với bối cảnh hoạt động ngành đường như thế

và việc xác định các việc “cần làm và phải làm” theo một lộ trình cụ thể, nhằm sẵn sàng nhất trước các thách thức về áp lực cạnh tranh trong thời gian tới. Câu trả lời như chúng ta cũng đã rõ, đó là nằm ở vấn đề “GIẢM GIÁ THÀNH” - sản xuất đường có chất lượng, giá thành đủ sức cạnh tranh, đây cũng là chìa khóa then chốt của bài toán kinh tế thị trường... để việc cung cầu về đường sẽ hướng tới cái nhìn dài hơi và chiến lược hơn với những kỳ vọng về khả năng có thể xuất khẩu thay vì phải giải quyết áp lực cung cần hàng năm. Trong điều kiện đó, HĐQT chúng tôi mạnh dạn đề nghị chỉ tiêu hoạt động kinh doanh năm 2014 ở mức thận trọng khi giá đường đang ở mức thấp kỷ lục, và không quá áp lực để có thể tiếp tục các giải pháp kiện toàn hoạt động, tạo cơ sở vững chắc hơn nữa cho các năm tiếp theo.

Thưa Quý cổ đông, xác định mục tiêu, khẳng định quyết tâm và tự tin về hình ảnh và thương hiệu Doanh nghiệp Việt, đúng như tên gọi và thương hiệu Công ty CP Mía đường Thành Thành Công Tây

DOANH THU THUẦN

2.220 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

275 TỶ ĐỒNG

Ninh đã chính thức được các cổ đông thống nhất thay đổi từ tên gọi Công ty CP Bourbon Tây Ninh, chúng tôi bày tỏ quyết tâm sẽ tiếp tục giữ vững các thành tích và nhiệm vụ mục tiêu hoạt động và rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ, tin tưởng của Quý cổ đông để TTCS có thể tiếp tục phát triển thực sự ổn định bền vững, theo các mục tiêu cho từng giai đoạn.

Thay mặt HĐQT, một lần nữa, chúng tôi bày tỏ mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý cổ đông, sự quan tâm hỗ trợ quý báu của Quý cơ quan ban ngành, sự hợp tác đồng cảm chia sẻ của Quý bà con nông dân, cũng như của các Khách hàng và đối tác xuyên suốt thời gian qua. Kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe và thành công.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

ĐẶNG HUỲNH ỨC MY

Bút phá CÔNG NGHỆ HÀNG ĐẦU

Với lợi thế vững mạnh từ việc đầu tư hệ thống công nghệ hiện đại bậc nhất Châu Âu, hoạt động tối ưu với công suất 9.800 TMN và cho ra đời 120.000 tấn đường/năm, Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh khẳng định được vị thế hàng đầu trong ngành công nghiệp Mía Đường.

TỔNG QUAN CÔNG TY

- 10 Giới thiệu chung
- 12 Quá trình hình thành và phát triển
- 14 Các sự kiện nổi bật năm 2013
- 16 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 18 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 26 Định hướng phát triển
- 30 Các yếu tố rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trụ sở chính: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
Điện thoại: (066) 3 753 250 - Fax: (066) 3 839 834
Website: <http://www.ttcsugar.com.vn>
Email: ttcs@ttcsugar.com.vn

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Sunwah
115 Nguyễn Huệ, Q1, Tp.HCM.
Điện thoại: (08) 3 821 9266 - Fax: (08) 3 821 9267

CÁC CHI NHÁNH

Văn phòng thương mại TTCS

Địa chỉ: Lầu 1, số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12,
Quận Phú Nhuận, TP.HCM
Điện thoại: (08) 629 269 18 - 629 269 19
Fax: (08) 629 269 20

Kho đường tại TP.HCM

Địa chỉ: Công ty Thành Thành Công, KCN Tân Bình,
Quận Tân Bình, TP.HCM

Trại thực nghiệm mía Châu Thành

Địa chỉ: Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh
Điện thoại: (066) 3 823 843

Trung tâm Khảo nghiệm và sản xuất mía giống Tây Ninh

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
Điện thoại: (066) 3 753 802

Trại mía giống TTCS Bến Cầu

Địa chỉ: Xã Long Phước, Huyện Bến Cầu, Tỉnh Tây Ninh
Điện thoại: (066) 3 760 828 - Fax: (066) 3 760 828



TÊN CÔNG TY

Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần MÍA ĐƯỜNG THÀNH THÀNH CÔNG TÂY NINH
Tên giao dịch: THANH THANH CONG TAY NINH JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: TTCS
Mã chứng khoán: SBT



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Hiện nay, TTCS là công ty cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư số 451031000014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp điều chỉnh lần thứ 13 ngày 02/12/2013.

VỐN ĐIỀU LỆ

1.485.000.000.000 đồng (Một ngàn bốn trăm tám mươi lăm tỷ đồng)

CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC NẴM GIỮ 25% TỔNG SỐ CỔ PHẦN

Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên



Các cột mốc quan trọng trong quá trình HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (2008 - 2013)

“CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG BOURBON TÂY NINH (NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG THÀNH THÀNH CÔNG TÂY NINH) THÀNH LẬP NGÀY 15 THÁNG 07 NĂM 1995 DO ỦY BAN NHÀ NƯỚC VỀ HỢP TÁC VÀ ĐẦU TƯ (NAY LÀ BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ) CẤP. TIỀN THÂN LÀ CÔNG TY LIÊN DOANH GIỮA TẬP ĐOÀN BOURBON (PHÁP), TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG II VÀ CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH.



2008

2013

NIÊM YẾT

Ngày 25/02/2008 Công ty niêm yết 44.824.172 cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM, chiếm 31,58% tổng số cổ phiếu phát hành. Mã chứng khoán: SBT.

Ngày 17/05/2011 Ủy ban chứng khoán Nhà Nước ra quyết định chấp thuận cho Công ty niêm yết bổ sung 97.081.628 cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) (Theo công văn số 137/UBCK-PTTT ngày 17/05/2011).

Ngày 12/09/2013 Sở giao dịch TP.HCM ra thông báo số 823/2013/TB-SGDHCM chấp thuận cho Công ty niêm yết và giao dịch cổ phiếu phát hành thêm (theo quyết định số 309/2013/QĐ-SGDHCM ngày 10/09/2013) 6.574.200 cổ phiếu theo chương lựa chọn cho người lao động trong Công ty.

2008

2009

2010

2011

2012

2013

Năm 2008, Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh chính thức niêm yết 44.824.172 cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: SBT



Sau khi thực hiện chiến lược đa dạng hóa ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Bourbon, Công ty đã tiếp nhận và triển khai dự án Khu công nghiệp. Tháng 10/2009, Công ty chính thức tổ chức Lễ động thổ Vườn Công nghiệp Bourbon An Hòa. Đây là khu công nghiệp sinh thái đầu tiên tại Việt Nam.



Cuối năm 2010, Tập đoàn Bourbon thoái vốn tại Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh, chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phần sở hữu cho đối tác Việt Nam, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công là cổ đông lớn, chiếm 24,5% tổng số lượng cổ phần phát hành của Công ty.

Năm 2011, lần đầu tiên sau 16 năm thành lập và hoạt động, nhà máy Bourbon Tây Ninh triển khai dự án nâng công suất ép từ 8.000 tấn mía/ngày lên 9.000 tấn mía/ngày. Dự án đã hoàn thành tốt đẹp, tiết kiệm 20% chi phí kế hoạch của dự án. Nhà máy chính thức đưa vào hoạt động với công suất 9.000 tấn mía/ngày trong vụ ép 2011-2012.



Năm 2012, Nhà máy Bourbon Tây Ninh tiếp tục triển khai dự án nâng công suất ép từ 9.000 tấn mía/ngày lên 9.800 tấn mía/ngày. Dự án đã hoàn thành và Nhà máy chính thức hoạt động với công suất mới trong vụ ép 2012 - 2013. Bên cạnh đó, nhà máy TTCS cũng đã hoàn thành dự án Affinage (xưởng hòa tan đường thô), đã đưa vào sử dụng tháng 12/2012, góp phần làm gia tăng sản lượng đường RE - vốn là sản phẩm chủ lực của Công ty, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường.

Quý III năm 2013, Công ty phát hành thành công 6.574.200 cổ phiếu theo chương lựa chọn cho người lao động trong Công ty và tăng vốn điều lệ lên thành 1.485.000.000.000 (một nghìn bốn trăm tám mươi lăm tỷ đồng).

Ngày 02/12/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 13 cho Công ty. Theo đó, Công ty chính thức đổi tên từ Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh sang tên mới là Công ty Cổ phần mía đường Thành Thành Công Tây Ninh.





1



2



3

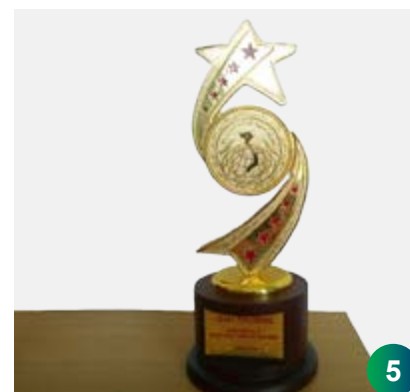
XẾP HẠNG

14

Forbes

TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT TẠI VIỆT NAM DO FORBES BÌNH CHỌN.

4



5



6



7



8



9



10

- 1 Tháng 03/2013, Công ty nhận **Giải vàng Chất lượng quốc gia** năm 2012 do Thủ Tướng Chính Phủ khen tặng.
- 2 Ngày 29/03/2013: Công ty vinh dự được UBND tỉnh Tây Ninh khen tặng **"Đã có nhiều thành tích trong vụ sản xuất 2012 - 2013"**
- 3 Công ty nằm trong **Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất** Việt Nam do tạp chí Nhịp cầu đầu tư bình chọn.
- 4 Công ty nằm trong **Top 50 công ty niêm yết tốt nhất** tại Việt Nam do Forbes bình chọn (vị trí xếp hạng: 14).
- 5 Bà **Đặng Huỳnh Ước My**, Chủ tịch HĐQT Công ty nhận được giải thưởng "Nhà quản lý xuất sắc thời kỳ đổi mới" năm 2013.
- 6 **Nhận huân chương lao động hạng 3:** Nhân dịp 18 năm thành lập, Công ty đã vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng huân chương lao động hạng 3 vì những thành tích xuất sắc trong công tác xã hội từ thiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh từ năm 2008 đến nay góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ Quốc.
- 7 **Đạt chuẩn danh hiệu** Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch xây dựng công tác an toàn về phòng cháy chữa cháy năm 2013 góp phần tạo dựng niềm tin lớn cho Cán bộ công nhân viên công ty, đối tác và cổ đông.
- 8 **Đầu tư thêm một máy thu hoạch mía vụ thu hoạch 2013 - 2014.** Với phương châm chủ động trong lĩnh vực cơ giới hóa, Công ty đã mạnh dạn đầu tư triển khai thêm máy thu hoạch mía John Deere. Có thể nói đây là bước tiến mang tính đột phá không chỉ với công ty mà còn đối với quá trình cơ giới hóa ngành mía đường. Với thiết bị này, công tác thu hoạch mía của bà con nông dân sẽ dễ dàng và chủ động hơn.
- 9 **Trao tặng nhà đại đoàn kết, thăm và tặng quà Tết các trung tâm bảo trợ xã hội, gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương.** Năm 2013, Công ty đã trao tặng 6 căn nhà đại đoàn kết, nhà tình thương và thực hiện các công tác từ thiện như đóng góp vào quỹ vì người nghèo, trao tặng tập xe đạp cho học sinh nghèo, tặng quà tết cho người nghèo với tổng số tiền lên đến hơn 2 tỷ đồng.
- 10 **Công tác từ thiện tại huyện đảo Lý Sơn.** Cuối năm 2013, Công ty đã tham gia cùng đoàn công tác Quỹ hỗ trợ Cựu chiến binh nghèo Thành phố Hồ Chí Minh ra thăm và tặng quà Tết cho người dân ở huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Đây là một trong những hoạt động nằm trong Chương trình "Tết vì người nghèo, hướng về biển đảo quê hương" nhằm chia sẻ khó khăn với người dân ở những nơi thường xuyên bị thiên tai, góp phần mang một cái Tết no ấm hơn đến với bà con. Trong chuyến đi này, Công ty đã ủng hộ 200 triệu đồng tiền mặt cùng với các đơn vị, nhà hảo tâm khác trao tặng 1.000 phần quà ý nghĩa thiết thực hỗ trợ cho người dân huyện đảo, san sẻ hơi ấm tình người đến những hoàn cảnh khó khăn.



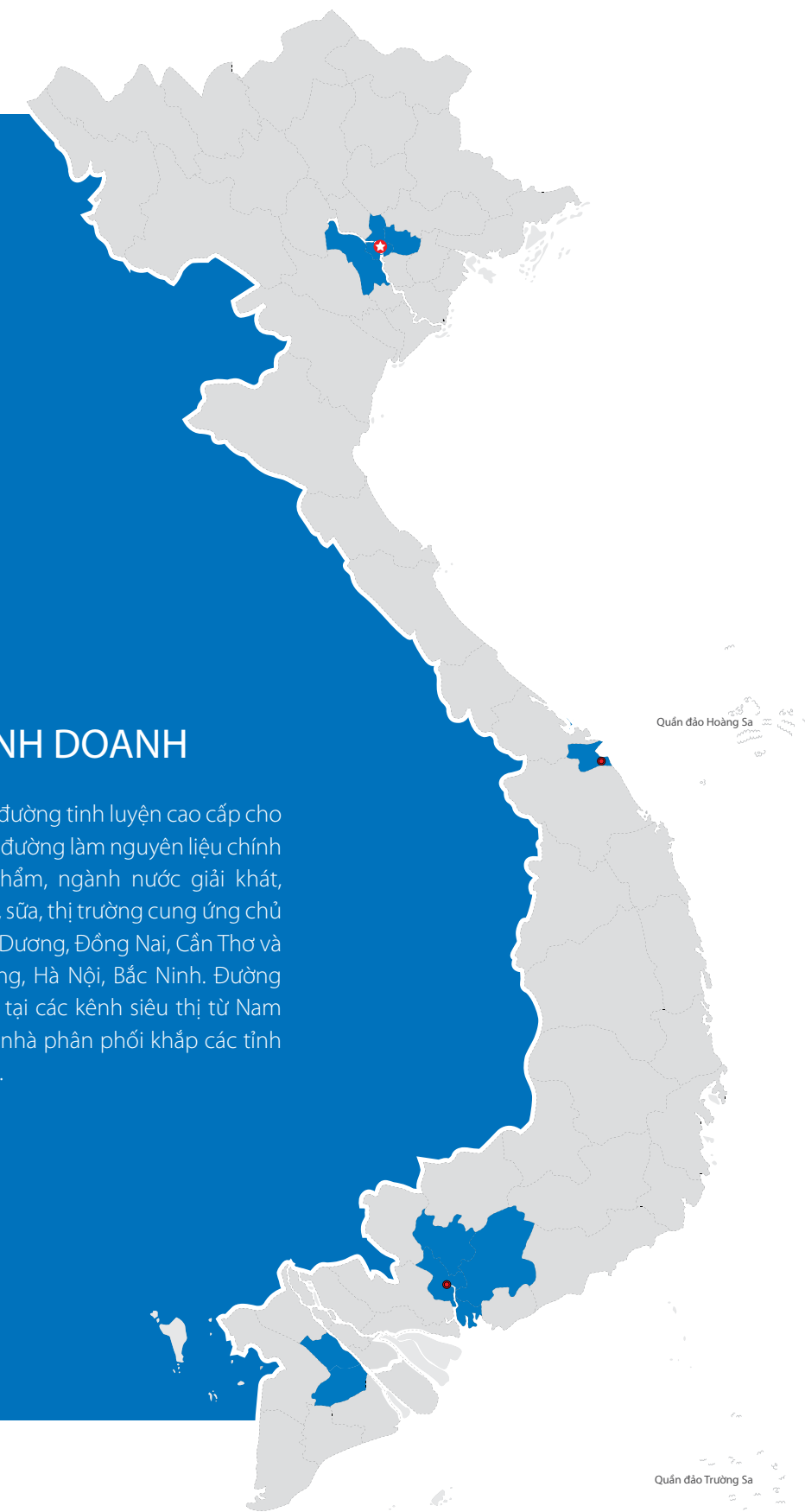
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH CỦA CÔNG TY

- Sản xuất đường tinh luyện và các sản phẩm từ đường ;
- Đầu tư trồng và phát triển cây mía;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường;
- Sản xuất điện thương phẩm;
- Sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp;
- Xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp;
- Xây dựng các công trình dân dụng (siêu thị, nhà hàng, khách sạn, ...);
- Kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn;
- Xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp;
- Gia công cơ khí (các thiết bị trong ngành mía đường);
- Tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường;
- Sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở;
- Đầu tư tài chính.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Cung cấp sản phẩm đường tinh luyện cao cấp cho khách hàng sử dụng đường làm nguyên liệu chính như ngành Dược phẩm, ngành nước giải khát, bánh kẹo, trà, cà phê, sữa, thị trường cung ứng chủ lực tại TP. HCM, Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ và vươn xa đến Đà Nẵng, Hà Nội, Bắc Ninh. Đường Túi Bonsu được bán tại các kênh siêu thị từ Nam đến Bắc), nhà đại lý, nhà phân phối khắp các tỉnh thành trong cả nước.





SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Đường nét đứt: Đơn vị do Tổng Giám đốc / P.TGD TT quản lý.



BÀ ĐẶNG HUỖNH ƯỚC MY

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị kinh doanh và Tài chính, bà Ước My đã từng nắm giữ các vị trí điều hành quan trọng tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công như Phó Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.

Sau khi ông Philippe Lombard từ nhiệm, Bà đã được HĐQT tín nhiệm và bổ nhiệm vào vị trí Thành viên HĐQT vào tháng 1/2012. Tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2011 của TTCS ngày 12/4/2012, Bà đã được bầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2012-2016. Bà đã và đang nỗ lực Công ty TTCS vượt qua khó khăn của nền kinh tế nói chung và của ngành mía đường nói riêng để Công ty đạt kết quả rất tốt so với các Công ty cùng ngành.



ÔNG LÊ VĂN DĨNH

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông là kỹ sư công nghệ đã về hưu sau khi làm việc lâu năm trong ngành mía đường Việt Nam. Ông đã từng là giám đốc Công ty đường Biên Hòa, Giám đốc công ty ECotech.

Từ năm 2000 đến nay, ông là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh. Với kinh nghiệm và kiến thức nhiều năm trong ngành đường, Ông được Hội đồng Quản trị giao trọng trách tư vấn về kỹ thuật cho TTCS.



ÔNG VÕ TÔNG XUÂN

Thành viên Hội đồng Quản trị

Giáo sư - Tiến sĩ, Nhà giáo Nhân dân Võ Tông Xuân là một nhà khoa học thuộc lĩnh vực nông nghiệp. Ông đã được tặng nhiều giải thưởng cao quý trên thế giới và đã được Nhà nước Việt Nam công nhận là Anh hùng Lao động. Ông có nhiều đóng góp trong việc nghiên cứu nông nghiệp cũng như sự nghiệp giáo dục. Hiện nay, Ông là Hiệu trưởng trường đại học Tân Tạo, Ủy viên Hội đồng Quản trị Trung tâm phát triển phân bón quốc tế (Alabama, Mỹ), Chủ tịch Hội đồng khoa học chương trình Kinh tế môi trường ĐNA (Singapore), Ủy viên Hội đồng Quản trị Học viện kinh tế Á Châu (Philippines)

Từ năm 2011 đến nay, Ông là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh. Với kiến thức uyên bác bậc thầy và dày dặn kinh nghiệm nhiều năm trong ngành nông nghiệp, Ông được Hội đồng Quản trị giao trọng trách tư vấn về nông nghiệp cho TTCS.



ÔNG THÁI VĂN CHUYÊN

Thành viên Hội đồng Quản trị

Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh năm 2001 và đại học Luật Hà Nội năm 2010. Ông đã và đang nắm giữ rất nhiều vị trí chủ chốt tại rất nhiều các Công ty như: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.

Với những kiến thức và kinh nghiệm trong công tác quản trị và điều hành, Ông được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm và bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị TTCS từ ngày 01/11/2012 đến nay.



ÔNG PHẠM HỒNG DƯƠNG

Thành viên Hội đồng Quản trị

Tốt nghiệp Kỹ Sư khoa Hoá thực phẩm Đại học Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh, tốt nghiệp MBA tại Đức về Tư vấn quản trị sản xuất. Gia nhập SBT từ năm 1998, ông Phạm Hồng Dương đã có 14 năm kinh nghiệm trong ngành công nghệ sản xuất đường. Ông đã từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Nhà máy, Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật, điều hành đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm cùng công nghệ và hệ thống thiết bị tiên tiến bậc nhất ngành đường Việt Nam.

Sau khi bà Trần Quế Trang từ nhiệm, Ông được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm và bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị TTCS từ ngày 1/3/2013 đến nay.



BÀ NGUYỄN THÙY VÂN

Trưởng Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán, MBA – Western Pacific University. Bà có hơn 10 năm kinh nghiệm trong công tác Kế toán – Tài chính – Đầu tư trong nhiều lĩnh vực khác nhau như sản xuất, chứng khoán, hàng hoá phái sinh, kinh doanh kho vận.

Từ năm 2012 đến nay, Bà là Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh. Hiện tại Bà cũng đang giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Đường Biên Hoà.

ÔNG LÊ VĂN HÒA

Thành Viên Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán các ngành sản xuất, Ông có hơn 20 kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Kế toán, từng đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng và tham gia công tác quản lý doanh nghiệp.

Từ năm 2006 đến nay, công tác tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công. Hiện tại đang giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa, thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh.

ÔNG LÊ NHỌ ĐÌNH

Thành Viên Ban Kiểm soát

Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán, kiểm toán viên (CPA) hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA), hiện đang hoàn tất chương trình kiểm toán viên công chứng Anh (ACCA). Ông có hơn 8 năm kinh nghiệm trong công tác Kế toán - Kiểm toán - Tài chính trong nhiều lĩnh vực như: sản xuất, chứng khoán, thương mại và dịch vụ.

Từ năm 2012 đến nay, Ông là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh. Hiện tại, Ông đang giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công, Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi, Công ty Cổ phần du lịch Bình Thuận, thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa, Công ty Cổ phần Thành Ngọc.



ÔNG NGUYỄN BÁ CHỦ

Tổng Giám đốc

Là Cử nhân kinh tế công nghiệp trường Đại học kinh tế Tp.HCM. Bắt đầu làm việc tại Công ty đường Bình Dương từ năm 1987 đến nay ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành mía đường. Ông đã từng tham gia nhiều khóa đào tạo quản lý cấp cao trong và ngoài nước, đặc biệt các khóa đào tạo chuyên sâu về quản lý sản xuất trong ngành mía đường. Ông đã từng là Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công. Từ tháng 10/2010 đến nay, Ông là Tổng Giám đốc TTCS. Sau thời gian ngắn, dưới sự chỉ đạo và hỗ trợ sát sao của Hội đồng Quản trị, Ông đã cùng Ban Điều hành đưa TTCS đến những thành công vượt bậc về sản lượng mía ép, doanh thu, lợi nhuận. Phát huy những thế mạnh hiện có của TTCS, ông đã biến ước mơ nâng công suất của nhà máy TTCS thành hiện thực.



ÔNG NGUYỄN HOÀNG TUẤN

Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Tốt nghiệp Cử nhân Tài chính – Kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Ông có duyên gắn bó với ngành mía - đường từ rất sớm. Đến nay Ông đã có 14 năm kinh nghiệm quản lý trong ngành. Ông đã từng nắm giữ những chức vụ quan trọng như: Phó phòng Tài chính – Kế toán, Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc Tài chính tại Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.

Gia nhập Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh từ tháng 7/2013, Ông hiện là Phó Tổng Giám đốc Thường trực của Công ty. Với vốn kinh nghiệm công tác trong ngành mía đường, Ông đang tạo ra những thay đổi mới trong hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty.



ÔNG NGUYỄN VĂN ĐỆ

Phó Tổng Giám đốc khối Tài chính & Đầu tư

Tốt nghiệp cử nhân Kinh tế ngành Tài chính doanh nghiệp trường ĐH Kinh tế Tp.HCM, cử nhân Anh Văn ngành ngữ Văn Anh trường Đại học KHXH & NV. Ông đã có hơn 7 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính trước khi gia nhập vào TTCS, cùng với những khoá đào tạo chuyên sâu về quản trị Tài chính, hoạch định ngân sách, thẩm định dự án,.. Ông được xem là có những đóng góp quan trọng cho hoạt động tài chính của TTCS trong hơn 2 năm qua.

Với tinh thần nhiệt huyết cùng với sự quyết đoán và minh bạch trong công việc, đã giúp Ông có những bước tiến quan trọng trong hoạt động tại TTCS. Từ tháng 7/2013 ông được HĐQT tín nhiệm và bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc khối Tài chính & Đầu tư.



ÔNG ĐINH VĂN HIỆP

Phó Tổng Giám đốc
Nông nghiệp

Tốt nghiệp Kỹ sư điện tử, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Trường ĐH Bách Khoa Tp.HCM.

Ông Hiệp đã có kinh nghiệm làm việc 07 năm là giảng viên và trải qua nhiều vị trí quản lý khác nhau từ Tổ trưởng, Trưởng phòng cho đến chủ tịch HĐQT công ty. Hơn 15 năm làm việc, quá trình công tác nhiều ngành khác nhau từ giáo dục, viễn thông, thủy điện, đầu tư tài chính, du lịch, mía đường... Hơn 03 năm gắn bó với ngành mía đường, đảm nhận vị trí trợ lý chủ tịch, thường trực HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai. Ông gia nhập TTCS vào tháng 01/2012 với chức vụ là Giám đốc khối Nông nghiệp, sau đó Ông đã được HĐQT tín nhiệm và bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Nông nghiệp của Công ty vào tháng 7/2013.



BÀ TRƯƠNG THỊ HỒNG

Phó Tổng Giám đốc
Hỗ trợ

Sau giải phóng 1975 Bà đã tham gia và trưởng thành từ những hoạt động phong trào Đoàn. Bà đã rất thành công và nắm giữ những vị trí quan trọng như: Phó Bí thư Thị xã Đoàn, Phó Văn phòng Thị xã ủy – phụ trách Tài chính Thị xã ủy (từ năm 1984 đến năm 1992), Trưởng phòng Tài chính Thị xã (từ năm 1992 đến năm 2002). Tốt nghiệp Đại học Kinh tế và được bổ nhiệm chức vụ Phó giám đốc Sở Tài chính Tỉnh Tây Ninh (từ năm 2002 đến năm 2008).

Với những kinh nghiệm, kiến thức và nhiệt huyết, sau khi nghỉ hưu Bà đã được Hội đồng Quản trị TTCS tín nhiệm và mời tham gia vào Ban Tổng Giám đốc từ năm 2010, nắm giữ vị trí quan trọng là Giám đốc Tài chính. Tháng 7/2012, Bà đã được HĐQT bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Tài chính. Từ tháng 7/2013 Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc khối Hỗ trợ.



ÔNG NGUYỄN THÀNH KHIÊM

Giám đốc Nhà máy

Là Kỹ sư hóa công nghệ trường Đại học Hóa - Lomonosov, Moscow, Nga; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Trường đại học Gloucestershire. Ông Nguyễn Thành Khiêm gắn bó với Công ty TTCS từ những năm mới thành lập. Hiện nay, Ông đảm nhiệm chức vụ Giám đốc nhà máy từ tháng 8/2013 đến nay, điều hành đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm và đầy nhiệt huyết.

Trong vụ sản xuất 2011-12, Ông và đội ngũ kỹ sư đã từng bước thực hiện dự án nâng công suất ép lên 9.800 tấn mía/ngày, góp phần tăng sản lượng mía ép, giảm áp lực thu hoạch.



BÀ DƯƠNG THỊ TÔ CHÂU

Giám đốc khối Thương Mại

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh Tế và được đào tạo chuyên sâu về quản trị nhân hiệu hàng hoá, quản lý doanh nghiệp, quản lý hệ thống chất lượng, và quản trị kinh doanh ngoại thương. Bà đã có kinh nghiệm quản lý điều hành kinh doanh ngành đường trong suốt 13 năm trước khi gia nhập vào ngôi nhà chung TTCS.

Từ năm 2010 đến nay, với vị trí Giám đốc Khối Thương Mại, Bà cùng các cộng sự đã và đang mở rộng hệ thống kinh doanh phân phối, hệ thống siêu thị và nhà đại lý rộng khắp các tỉnh/thành trong cả nước. Củng cố và mở rộng khách hàng công nghiệp trong nước và xuất khẩu ra các nước trong khu vực Châu Á & Trung Đông.



BÀ NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN

Kế toán trưởng

Bà tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán tại trường Đại học Tài chính Kế Toán Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2013 Bà tốt nghiệp Thạc sỹ Kế Toán Quốc Tế (MIntA) trường Đại học Kỹ Thuật Swinburne Australia. Bà đã gắn bó với Công ty TTCS từ năm 1996 và được bổ nhiệm Kế toán trưởng từ năm 2007.

Với những kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn, nhiệt huyết trong công tác, Bà đã có nhiều đóng góp đáng kể vào quá trình phát triển của Công ty, tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực và quy định của Nhà nước, hoàn thiện bộ máy kế toán của Công ty theo hướng chuyên nghiệp và minh bạch.



ĐỊNH HƯỚNG

GIẢI ĐOẠN 2014 - 2015

VỚI MỘT TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC VỀ VIỆC ĐẦU TƯ, PHÁT TRIỂN CÂY MÍA, TTCS ĐÃ XÁC ĐỊNH MỘT LỘ TRÌNH CỤ THỂ TRONG VIỆC HỢP TÁC, PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VỚI CÁC CÔNG TY; CŨNG NHƯ HỖ TRỢ TỐI ĐA CHO NGƯỜI NÔNG DÂN TRONG VẤN ĐỀ MỞ RỘNG VÙNG NGUYÊN LIỆU, BAO TIÊU SẢN PHẨM, ÁP DỤNG CÁC KỸ THUẬT KHOA HỌC TIÊN TIẾN NHẤT, LIÊN TỤC ĐƯA RA CÁC SẢN PHẨM VỀ ĐƯỜNG MỘT CÁCH CHẤT LƯỢNG NHẤT.



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- Ổn định vùng nguyên liệu ở mức 15.000 ha, năng suất 72 tấn/ha, CCS 9,5% trong vụ 2014/2015; hướng đến ổn định dài hạn.
- Tiết giảm, kiểm soát giá thành sản xuất theo kế hoạch ở mức 12.200 đồng/kg. Đây là một trong những mục tiêu hàng đầu, quyết định sự sống còn của TTCS trong quá trình hội nhập. Ban Điều hành tập trung quyết liệt trong việc kiểm soát giá thành sản xuất theo kế hoạch, hướng đến giá thành dưới 11.000 đồng/kg đến vụ 2015/2016.
- Đảm bảo hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả hợp lý. Chỉ tiêu kế hoạch đạt 160 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế trong năm 2014.
- Gia tăng sức mạnh cộng hưởng từ hoạt động đầu tư cùng ngành, hướng đến quá trình M&A. Đồng thời, gia tăng năng lực cạnh tranh, phát triển sản phẩm cồn Tinh luyện.

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH ĐẠT

160 TỶ ĐỒNG
LNTT
năm 2014

GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG DÀI HẠN

VỀ NÔNG NGHIỆP

Tiếp tục duy trì và xúc tiến các hoạt động phối hợp chuyển giao vùng nguyên liệu quy hoạch giữa các nhà máy, để giảm thiểu sự cạnh tranh gây bất ổn vùng nguyên liệu và tiến tới đầu tư chiều sâu để thâm canh tăng năng suất, chất lượng mía cho vùng nguyên liệu.

Cải tiến quy trình đầu tư, nghiên cứu các chính sách đầu tư. Trong đó, chú trọng chính sách đầu tư và hỗ trợ nông dân tưới mía với các mô hình vừa tăng năng suất, vừa tăng chữ đường phù hợp cho từng vùng nguyên liệu, nhằm chủ động trong quá trình chăm sóc mía và cải thiện thu nhập cho người nông dân, đặc biệt là thu hút nông dân

vùng gần nhà máy yên tâm tiếp tục gắn bó với cây mía.

Tiếp tục duy trì công tác thu hoạch theo các quy chuẩn chất lượng mía nguyên liệu do công ty ban hành để đảm bảo mía tươi, mía sạch về nhà máy.

Tiếp tục đầu tư cơ giới hóa trong các khâu trồng, chăm sóc và thu hoạch mía. Nghiên cứu các loại hình cơ giới hóa phù hợp với địa hình, loại hình diện tích để cơ động và linh hoạt trong việc sản xuất của người nông dân. Đồng thời nghiên cứu các chủ trương chính sách của Chính phủ về chương trình cơ giới hóa để vận

dụng và lồng ghép vào các chính sách của Công ty nhằm hỗ trợ tốt nhất cho người nông dân.

Nghiên cứu và triển khai đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu để tạo điều kiện thuận lợi trong việc vận chuyển mía về nhà máy.

Tăng cường hỗ trợ tư vấn kỹ thuật, chăm sóc nông dân, đặc biệt những nông dân tâm huyết, có sự ảnh hưởng mạnh mẽ và quyết định sự sống còn của công ty trong việc đảm bảo vùng nguyên liệu.



VỀ SẢN XUẤT

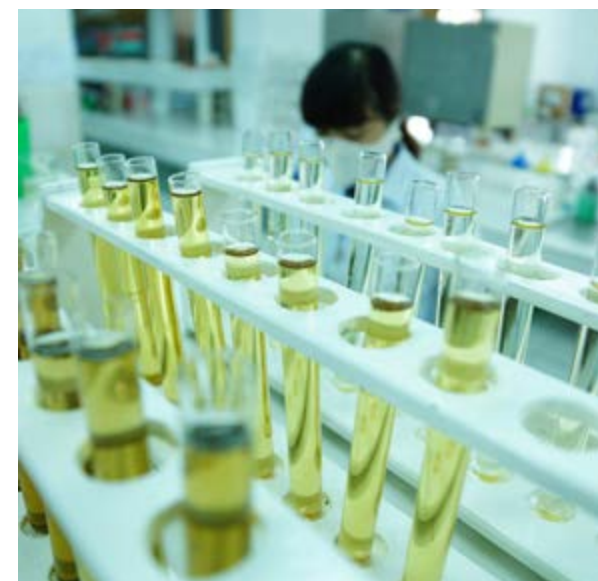
Tập trung chú trọng công tác thu hồi đường, hạn chế thấp nhất mất mát trong quá trình sản xuất.

Xác định công suất tối ưu của nhà máy để đạt giá thành sản xuất thấp nhất. Mở rộng nghiên cứu các sản phẩm mới, tối ưu hóa sử dụng các phụ phẩm trong quá trình sản xuất đường để tiến tới sản xuất Cồn thực phẩm. Dự kiến, nhà máy cồn sẽ được chạy thử nghiệm vào cuối năm 2015 nhằm gia tăng giá trị và năng lực cạnh tranh của TTCS.

Chú trọng công tác hàng tồn kho sản xuất, duy trì mức tồn kho hợp lý tránh dự phòng quá mức gây lãng phí tài chính.

Tinh gọn bộ máy kỹ thuật, đa dạng hóa lĩnh vực đào tạo cán bộ kế thừa nhằm tối ưu hóa năng lực sản xuất.

Đảm bảo chất lượng sản phẩm và quyết tâm thực hiện tất cả các sản phẩm đến khách hàng đều đạt chất lượng 100% theo yêu cầu.



VỀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tăng cường tiếp cận các định chế tài chính, khai thác các nguồn vốn với lãi suất thấp.

Chú trọng công tác kiểm soát chi phí nhằm đảm bảo giá thành mục tiêu.



VỀ THỊ TRƯỜNG

Gia tăng đối tượng khách hàng, nhất là khách hàng công nghiệp thông qua công tác marketing, chăm sóc khách hàng, các dịch vụ vận chuyển và chất lượng sản phẩm ổn định, hoàn hảo.

Tổ chức lưu trữ thông tin khách hàng khoa học nhằm xác định và phân cấp các khách hàng VIP để có chiến lược chăm sóc đặc biệt.

Tăng cường công tác dự báo thị trường để chủ động đưa ra các quyết định đón đầu thị trường.

Định vị lại thương hiệu TTCS trên thị trường để có chiến lược bán hàng hợp lý.

Có kế hoạch phát triển thị trường địa phương theo phương châm "Người địa phương dùng đường địa phương". Không để đường lậu có chỗ đứng.

Từng bước thâm nhập thị trường đường quốc tế.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



“ ĐỐI VỚI CÁC NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐƯỜNG, NGUYÊN LIỆU CHÍNH LÀ MÍA CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN NHẤT TRONG CƠ CẤU GIÁ THÀNH SẢN PHẨM VÀ QUYẾT ĐỊNH ĐẾN CÔNG SUẤT KHAI THÁC CỦA CÁC NHÀ MÁY. NẾU VÙNG NGUYÊN LIỆU BỊ THU HẸP, NGUYÊN LIỆU KHÔNG ĐỦ CUNG CẤP SẼ ẢNH HƯỞNG NHIỀU ĐẾN HIỆU QUẢ SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA CÔNG TY.



RỦI RO VỀ KINH TẾ

Năm 2014, kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ cải thiện, điều này hy vọng sẽ ảnh hưởng tích cực đến sự tăng trưởng của ngành chế biến thực phẩm và nhu cầu tiêu thụ đường.



Sự biến động lãi suất cho vay sẽ ảnh hưởng khá lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Đường là một trong những mặt hàng mang tính thiết yếu đối với đời sống hàng ngày của mọi người, được sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau như tiêu dùng, ăn uống, thực phẩm, nước uống, dược phẩm và cả về lĩnh vực năng lượng. Do đó mức độ ảnh hưởng của nền kinh tế đến các sản phẩm của Công ty có thể nói là không cao lắm, ngay cả khi nền kinh tế bị suy giảm hay bị khủng hoảng. Tuy nhiên, thực tế trong thời gian qua, nền kinh tế rơi vào tình trạng trì trệ, sức mua sút giảm, các Doanh

nghiệp tiết giảm chi phí và chuyển sang sử dụng đường RS thay vì RE đã khiến cho tình hình kinh doanh đường RE gặp khó khăn mặc dù xu hướng thế giới đang sử dụng loại đường này. Do vậy, nếu nền kinh tế phát triển cao và tăng trưởng ổn định, khả năng tiêu thụ các sản phẩm từ đường, nhất là đường RE sẽ nhiều hơn và ngược lại. Năm 2014, kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ cải thiện, điều này hy vọng sẽ ảnh hưởng tích cực đến sự tăng trưởng của ngành chế biến thực phẩm và nhu cầu tiêu thụ đường.

RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Tổng giá trị vay ngắn và dài hạn của Công ty vào thời điểm 31/12/2013 là 1.080 tỷ đồng trên tổng tài sản của Công ty là 3.250 tỷ. Chi phí lãi vay năm 2013 là 95 tỷ đồng trong tình hình lãi suất cho vay được duy trì khá thấp và ổn định so với những năm trước. Do đó sự biến động lãi suất cho vay sẽ ảnh hưởng khá lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

RỦI RO VỀ NGUYÊN LIỆU

Đối với các nhà máy sản xuất đường, nguyên liệu chính là mía chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá thành sản phẩm và quyết định đến công suất khai thác của các nhà máy. Nếu vùng nguyên liệu bị thu hẹp, nguyên liệu không đủ cung cấp sẽ ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Công ty. Trong khi đó, ở Tây Ninh, cây mía đang bị cạnh tranh khốc liệt bởi những cây trồng khác, cộng với giá đường trong thời gian qua sụt giảm khiến cho người trồng mía không yên tâm canh tác.

Đứng trước rủi ro này, để đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu Công ty đã nghiên cứu và vận dụng nhiều biện pháp bao gồm đầu tư về tài chính cho các hộ nông dân để mua cây giống, phân bón, thuê đất trồng trọt, xây dựng hệ thống tưới tiêu, triển khai công tác khuyến nông để hỗ trợ cho nông dân trồng mía về kỹ thuật canh tác và trồng trọt. Đồng thời, Công ty tập trung nghiên cứu các biện pháp thiết thực trong khâu thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch để tăng thu hồi, tăng chữ đường, ... tăng thu nhập cho bà con nông dân, giúp người trồng mía yên tâm để gắn bó với cây mía.





CÁC YẾU TỐ RỦI RO CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ VÙNG NGUYÊN LIỆU

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản ứng trước cho người trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích

riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cấp tín dụng và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Một số nông dân trồng mía được yêu cầu thế chấp giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản Công ty ứng trước. Ngoài ra, người nông dân phải bán tất cả

mía của họ cho Công ty và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản ứng trước tương ứng. Khoản ứng trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty. Người nông dân có số dư cho vay quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản cho vay mới.



RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Rủi ro luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Khi có những thay đổi trong chính sách quản lý về ví mô của Chính phủ bao gồm chậm trễ trong việc cấp phép đầu tư, triển khai dự án, những thay đổi quy hoạch trong việc phát triển diện tích trồng mía... hoặc chậm trễ thực hiện các cam kết đều có

những tác động bất lợi đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, theo như lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu đường theo Hiệp định thuế quan ưu đãi (CEPT/AFTA) có hiệu lực chung để tham gia khu vực mậu dịch tự do khối ASEAN đến năm 2015

là 0%, trong năm 2014 là 5%. Do vậy, nếu không có những thay đổi mạnh mẽ trong cải tổ phương thức quản lý sản xuất, canh tác, quản trị điều hành,... Doanh nghiệp Việt sẽ càng thêm khó khăn khi đường được sản xuất từ các nước trong khu vực thâm nhập một cách chính thống qua đường nhập khẩu.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Một trong những yếu tố ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty sản xuất kinh doanh đường trong thời gian qua đó là tình hình biến động về giá đường. Đặc biệt trong năm qua, giá đường RE đã giảm gắn sát với giá đường RS khiến cho các DN sản xuất đường RE lao đao. Điều này buộc các DN phải nghiêm túc đánh giá toàn diện nội lực để

có những giải pháp quyết liệt cho những năm tiếp theo.

Năm 2014, khả năng giảm giá đường vẫn có thể tiếp tục xảy ra khi sản lượng sản xuất toàn cầu ước tính sẽ thặng dư khoảng 4,5 triệu tấn. Trước tình hình đó, HĐQT đã cân nhắc và trình ĐHCĐ kế hoạch kinh doanh 2014 với chỉ tiêu lợi nhuận khá khiêm tốn nhưng

đồng thời Công ty đã và đang tiến hành triển khai quyết liệt những giải pháp mang tính chủ động trong quản lý nông nghiệp, sản xuất, kiểm soát chặt chẽ các hạng mục chi phí hoạt động... Chúng tôi tin rằng, đánh giá đúng các rủi ro có thể xảy ra, có giải pháp phù hợp kịp thời sẽ giúp Công ty duy trì được hiệu quả kinh doanh trong dài hạn.



Tình hình biến động về giá đường ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty sản xuất kinh doanh đường.

CÁC RỦI RO KHÁC

Ngoài các yếu tố rủi ro kể trên, còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như: các hiện tượng thiên tai, hạn hán, bão lụt, dịch bệnh, hỏa hoạn, v.v... ảnh hưởng đến sản lượng nguyên liệu đầu vào đáp ứng cho nhu cầu sản xuất của Công ty.

Kiến toàn GIẢI PHÁP HOẠT ĐỘNG

Trên nền tảng hệ thống công nghệ hiện đại, Thành Thành Công Tây Ninh luôn chú trọng đến việc cải tiến quy trình sản xuất, đặc biệt quản lý chặt chẽ quy trình khép kín nhằm tận dụng tối đa mọi nguồn nguyên liệu từ tất cả các khâu: sản xuất đường, mật rỉ, điện thương phẩm, phân vi sinh...

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

- 36 Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2013
- 38 Tổ chức nhân sự
- 40 Tình hình thực hiện các dự án
- 42 Tình hình tài chính
- 44 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu





TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2013



Chỉ tiêu	Đvt	KH 2013	TH 2013	TH/KH
Sản lượng mía ép	Tấn	1.000.000	866.275	87%
Sản lượng đường thô nguyên liệu	Tấn	24.051	51.681	215%
Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	110.450	128.267	116%
Doanh thu thuần (bao gồm phụ phẩm)	Tỷ đồng	2.314	2.220	96%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	365	275	75%

Năm 2013, giá bán bình quân đường RE giảm mạnh so với kế hoạch đề ra, mặc dù sản lượng tiêu thụ vượt 16% nhưng doanh thu mang lại cho TTCS trong năm 2013 chỉ đạt 2.220 tỷ đồng đạt 96% kế hoạch. Trong đó, doanh thu đường chiếm 89% tổng doanh thu.

Mặc dù doanh thu thuần chỉ đạt 96% so với kế hoạch năm 2013, nhưng vượt 13% so với cùng kỳ năm 2012.

Lợi nhuận trước thuế đạt 275 tỷ đồng và chỉ đạt 75% kế hoạch. Ngoài các nguyên nhân chính là do giá bán giảm, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính thực tế tăng, còn có các yếu tố ảnh hưởng tích cực đến lợi nhuận năm 2013:

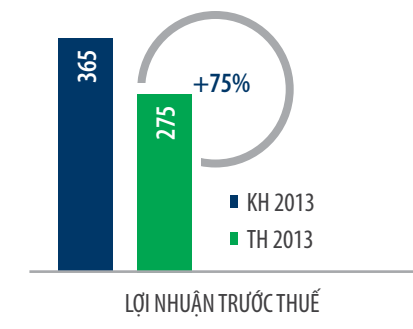
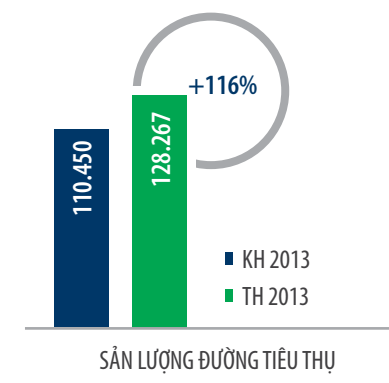
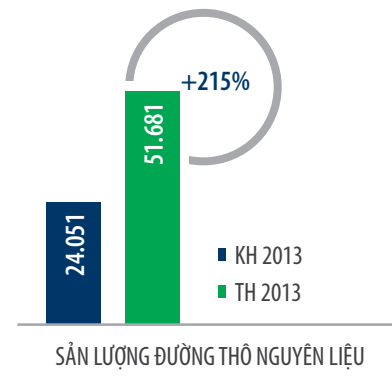
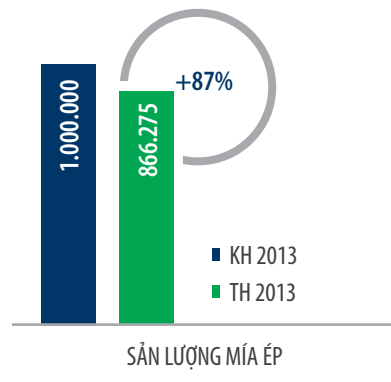
- **Sản lượng đường tiêu thụ vượt kế hoạch:** Sản lượng đường tiêu thụ năm 2013 đạt 128.267 tấn

đường, tăng 16% so với kế hoạch và tăng 28% so với cùng kỳ, và đây là sản lượng tiêu thụ cao nhất của TTCS trong 18 năm qua.

- **Kiểm soát tốt giá thành:** Mặc dù giá mía nguyên liệu đầu vào vụ 12-13 tăng hơn so với kế hoạch đề ra, nhưng xác định giá thành là yếu tố tồn tại và sống còn của ngành đường trong tương lai nên Ban Điều Hành đã tiết giảm tối đa các chi phí làm

cho giá thành vụ 2012 - 2013 giảm 0,3% so với kế hoạch và góp phần làm cải thiện 2% lợi nhuận trước thuế năm 2013.

- **Lợi nhuận hoạt động tài chính:** Lợi nhuận HĐTC năm 2013 tăng chủ yếu do doanh thu HĐTC tăng 19% so với kế hoạch; thu từ cổ tức các công ty cùng ngành (BHS, NHS, SEC và Công ty Cổ phần mía đường Nước Trong);





Trong năm 2013, TTCS đã có một số thay đổi về bộ máy tổ chức, như sau:

- Bổ nhiệm vị trí mới:

STT	Họ tên	Vị trí	Ngày nhận quyết định
1	Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó TGD Thường trực	15/07/2013
2	Trương Thị Hồng	Phó TGD Hỗ trợ	15/07/2013
3	Nguyễn Văn Đệ	Phó TGD Tài chính	15/07/2013
4	Đình Văn Hiệp	Phó TGD Nông nghiệp	01/07/2013

- Một số thay đổi trong Ban Điều hành:

STT	Họ tên	Vị trí	Ngày thôi giữ chức vụ	Lý do
1	Trịnh Minh Châu	Phó TGD Thường trực	15/07/2013	Chuyển công tác
2	Trương Thị Hồng	Phó TGD Tài chính	15/07/2013	Bổ nhiệm vào chức vụ khác
3	Nguyễn Văn Đệ	Giám Đốc Tài chính	15/07/2013	Bổ nhiệm vào chức vụ khác
4	Đình Văn Hiệp	Giám Đốc Nông nghiệp	01/07/2013	Bổ nhiệm vào chức vụ khác
5	Lê An Khang	Giám Đốc Khối Hỗ trợ	01/06/2013	Chuyển công tác
6	Phạm Hồng Dương	Phó TGD Kỹ thuật	01/03/2013	Chuyển công tác

- Tinh gọn bộ máy tổ chức đợt 1: Sáp nhập phòng Tài chính và phòng Kế hoạch thành phòng Tài chính – Kế hoạch.

“ TRONG NĂM, TÌNH HÌNH NHÂN SỰ DUY TRÌ ỔN ĐỊNH, TỔNG SỐ LAO ĐỘNG ĐẾN THÁNG 12/2013 LÀ 518 NHÂN VIÊN CHÍNH THỨC VÀ 266 LAO ĐỘNG THỜI VỤ.

Công tác tuyển dụng: xúc tiến nhanh chóng việc tìm nguồn ứng viên và tổ chức phỏng vấn, tỷ lệ tuyển chọn được ứng viên trong năm bình quân đạt khoảng 100% đáp ứng được nguồn lực cho các phòng ban.

Công tác đào tạo: Đã tổ chức 58 khóa đào tạo (Trong đó: thực hiện 47/72 khóa, đạt 65% so với kế hoạch đào tạo năm 2013. Ngoài ra thực hiện thêm 11 khóa đào tạo phát sinh ngoài kế hoạch, chiếm 15 % so với tổng số khóa theo kế hoạch).

Công tác duy trì, ổn định nguồn nhân lực: Thực hiện việc chi trả lương, thưởng, các chế độ đãi ngộ cho CBNV kịp thời, tuân thủ quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

Xây dựng, hoàn thiện và ban hành 8 văn bản lập quy trong hệ thống quản trị nguồn nhân lực nhằm thuận tiện cho việc quản lý nhân sự toàn công ty. Đặc biệt trong đó Công ty và tập thể NLĐ đã thỏa thuận ký kết thành công Thỏa ước lao động tập thể mới. Nội quy lao động cũng được sửa đổi bổ sung kịp thời cho phù hợp với Bộ luật lao động mới ban hành.



**HOÀN THÀNH DỰ ÁN
NÂNG CÔNG SUẤT NHÀ MÁY LÊN**

9.800 TMN

- » Dự án EBTN: Ngày 29/07/2008 UBND Tỉnh Tây Ninh đã ban hành Quyết định số 1662/QĐ-UBND cho Công Ty thuê diện tích 14.682,3 m². Ngày 31/12/2013, Sở Tài nguyên môi trường tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án EBTN cho TTCS. Năm 2013, dự án đang tiếp tục được triển khai và dự kiến khởi công phòng Sacombank hoàn thiện trong năm 2014, trung tâm thương mại hoàn tất nghiệm thu và đi vào hoạt động vào năm 2015.
- » Hoàn thành dự án nâng công suất nhà máy lên 9.800 TMN với tổng vốn đầu tư 47 tỷ đồng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, tối đa hóa dây chuyền thiết bị và giảm áp lực đồn chặt cho bà con nông dân.

- » Hoàn thành dự án Affinage (luyện đường thô) với vốn đầu tư 7,2 tỷ đồng, đảm bảo mục tiêu luyện đường 30.000 – 35.000 tấn/năm, góp phần gia tăng sản lượng đường RE cho TTCS.
- » Dự án Cồn thực phẩm: Nhằm đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh, TTCS đang đầu tư sản xuất sản phẩm cồn thực phẩm. Năm 2013 dự án đã được phác thảo sơ bộ và dự kiến triển khai thực hiện vào năm 2014 và nghiệm thu đưa vào sử dụng 2015.
- » Đầu tư cơ giới hóa: Trong năm 2013, TTCS đã đầu tư thêm một máy thu hoạch mía John Deere với giá trị đầu tư là khoảng 8,1 tỷ đồng, làm giảm áp lực về nhân công đồn chặt, giảm chi phí thu hoạch giúp nông dân cải thiện thu nhập từ đó nhà máy có thể giảm chi phí đầu vào sản xuất.

ĐẦU TƯ CƠ GIỚI HÓA

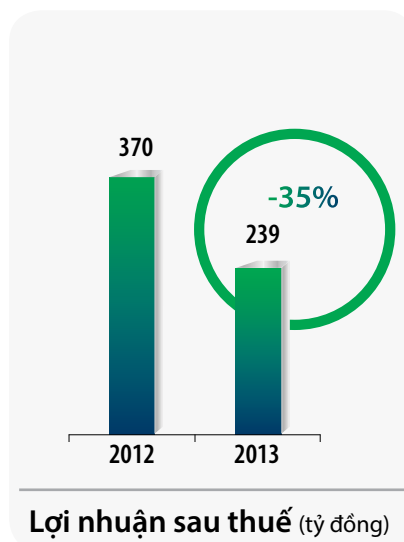
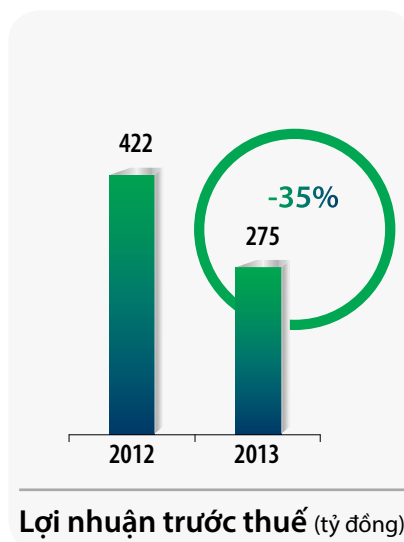
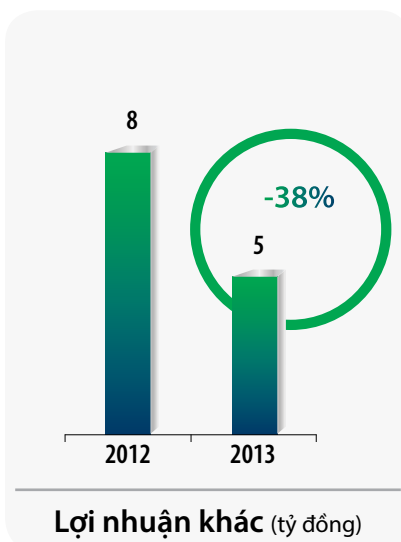
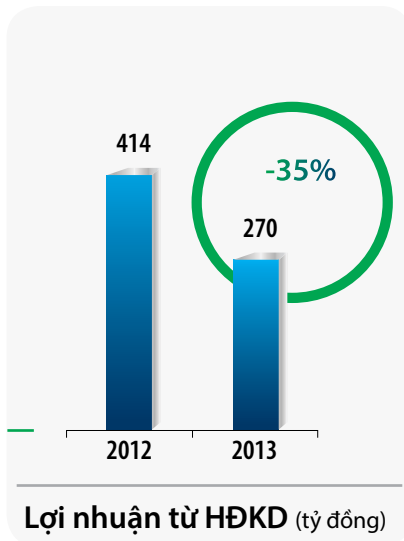
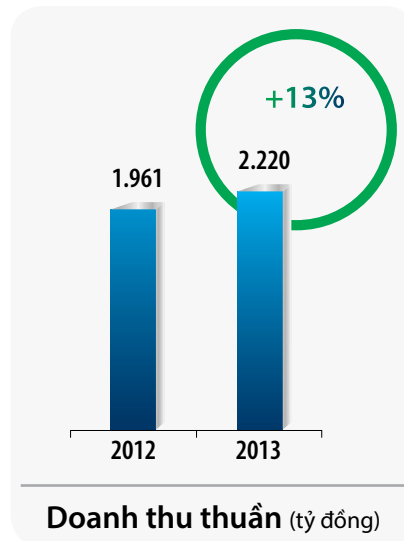
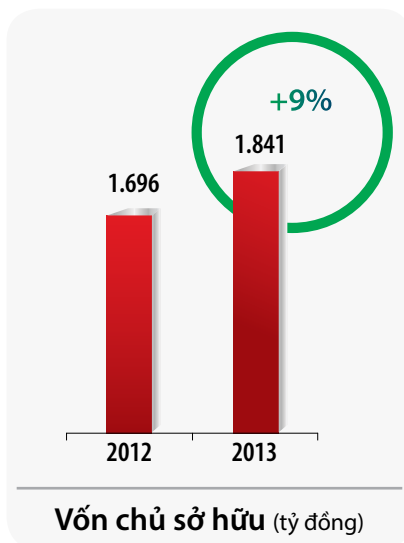
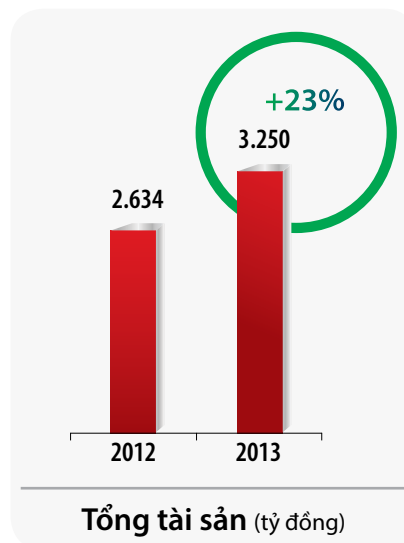
8,1 TỶ ĐỒNG

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

STT	Khoản mục	Số dư 1/1/2013		Số dư TH 31/12/2013		Cổ tức + thặng dư (Trđ)	Tỷ lệ (%)
		Số lượng CP	Giá trị (Trđ)	Số lượng CP	Giá trị (Trđ)		
1	Công ty CP Bourbon An Hòa	24.500.000	245.000	24.500.000	245.000		49.00%
2	Công ty CP Đường Biên Hòa (BHS)	6.815.148	129.531	13.630.296	197.682	13.630	21.64%
3	Công ty CP Đường La Ngà	2.040.802	61.224	2.040.802	61.224	4.490	24.89%
4	Công ty CP Đường Ninh Hòa (NHS)	2.996.602	44.949	5.993.204	74.915	4.495	9.87%
5	Công ty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai (SEC)	2.500.000	48.823	6.720.000	99.561	5.460	24.13%
6	Công ty CP Đường Nước Trong	0	0	1.389.302	53.766	2.778	23.95%
7	Công ty CP Nghiên cứu ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	0	0	720.000	7.200		24.00%
8	Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	0	0	3.157.920	31.579		26.32%
Tổng cộng			529.527		770.927	30.853	



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
I	Tốc độ tăng trưởng		
1	Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần	-4,36%	13,22%
2	Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	-26,05%	-34,76%
3	Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	-33,07%	-35,43%
II	Chỉ số thanh toán		
1	Hệ số thanh toán hiện hành	1,60	1,35
2	Hệ số thanh toán nhanh	1,22	1,18
3	Hệ số thanh toán bằng tiền	0,12	0,21
III	Khả năng sinh lời		
1	Tỷ lệ lãi gộp/Doanh thu thuần	18,87%	12,66%
2	Tỷ lệ lãi EBIT/Doanh thu thuần	25,38%	16,72%
3	Tỷ lệ lãi trước thuế/Doanh thu thuần	21,54%	12,41%
4	Tỷ lệ lãi sau thuế/Doanh thu thuần	18,88%	10,77%
5	Hiệu suất sinh lợi/Tổng tài sản (ROA)	14,05%	7,35%
6	Hiệu suất sinh lợi/Vốn chủ sở hữu (ROE)	21,83%	12,98%
7	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	21,11%	12,18%
IV	Hiệu quả hoạt động		
1	Vòng quay các khoản phải thu thương mại	3,16	2,41
2	Vòng quay hàng tồn kho	5,13	6,80
3	Vòng quay các khoản phải trả thương mại	9,03	7,68
4	Vòng quay tổng tài sản	0,79	0,75
V	Cơ cấu vốn		
1	Nợ/Vốn chủ sở hữu	55,35%	76,56%
2	Nợ/Tổng tài sản	35,63%	43,36%
3	Nợ NH/Vốn chủ sở hữu	52,45%	72,31%



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

» Tổng số cổ phần	: 148.500.000 cổ phần
» Loại cổ phần đang lưu hành	: Cổ phần phổ thông
» Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	: 141.925.800 cổ phần
» Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	: 6.574.200 cổ phần

Lý do hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng là cổ phiếu được phát hành theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động trong công ty.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/03/2014)

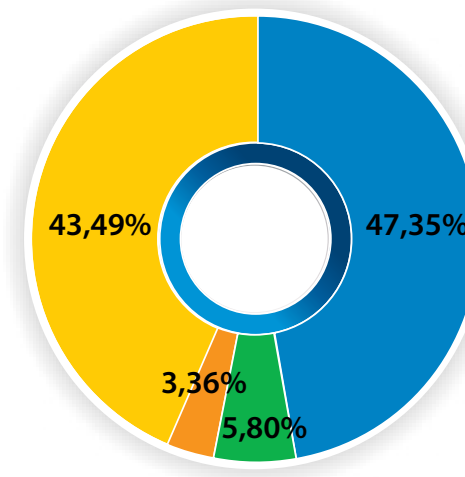
Tỷ lệ sở hữu vốn:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	1
2	Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI	70.319.170	47,35%	3	2	1
	» Trong nước	70.319.170	47,35%	3	2	1
	» Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	8.608.230	5,80%	1	1	0
	» Trong nước	8.608.230	5,80%	1	1	0
	» Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
	» Trong nước	0	0	0	0	0
	» Nước ngoài	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	4.993.840	3,36%	1	1	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0	0	0	6
	Cổ đông khác	64.578.760	43,49%	3.027	52	2.976
	» Trong nước	42.372.290	28,53%	2.901	19	2.883
7	» Nước ngoài	22.206.470	14,95%	126	33	93
	TỔNG CỘNG	148.500.000	100%	3.032	54	2.977
	Trong đó: Trong nước	126.293.530	85,05%	2.905	21	2.884
	Nước ngoài	22.206.470	14,95%	126	33	93

TỔNG SỐ CỔ PHẦN

148.500.000

CỔ PHẦN



- Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI
- Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)
- Cổ phiếu quỹ
- Cổ đông khác

Cổ đông lớn:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN	78.911.500	53,14%	3	3	0
	» Trong nước	78.911.500	53,14%	3	3	0
	» Nước ngoài	0	0	0	0	0
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên	0	0	0	0	0
	» Trong nước	0	0	0	0	0
	» Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% vốn CP	21.661.476	14,59%	38	38	0
	» Trong nước	150.026	0,10%	5	5	0
	» Nước ngoài	21.511.450	14,49%	33	33	0
	TỔNG CỘNG	100.572.976	67,73%	41	41	0

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2013

STT	Nội dung	Trước khi thay đổi	Phát hành thêm	Sau khi thay đổi
1	Vốn điều lệ (VNĐ)	1.419.258.000.000	65.742.000.000	1.485.000.000.000
2	Tổng số cổ phần	141.925.800	6.574.200	148.500.000
3	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	141.925.800	6.574.200	148.500.000



Khẳng định CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Công ty đã được cấp các chứng chỉ chất lượng:

- Chứng nhận ISO 9001 & 14001
- Chứng nhận SEDEX, SMETA
- Chứng nhận FSSC 22000
- Chứng nhận HALAL

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Báo cáo & đánh giá của Ban Điều hành

- 48 Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô
- 50 Đánh giá kết quả hoạt động SXKD
- 51 Tình hình tài chính
- 52 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 54 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động Công ty

- 59 Hoạt động của HĐQT
- 61 Kết quả giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành
- 62 Kế hoạch của HĐQT năm 2014



TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

TÌNH HÌNH CHUNG

“ TRONG NĂM 2013 VỚI BIẾN ĐỘNG VÀ ẢNH HƯỞNG BỞI KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐÃ LÀM CHO GIÁ BÁN BÌNH QUÂN NĂM 2013 GIẢM HƠN SO VỚI KẾ HOẠCH ĐỀ RA, QUA ĐÓ DOANH THU MANG LẠI CHO TTCS TRONG NĂM 2013 ĐẠT 2.220 TỶ ĐỒNG ĐẠT 96% KẾ HOẠCH VÀ TĂNG 13% SO VỚI CÙNG KỲ.

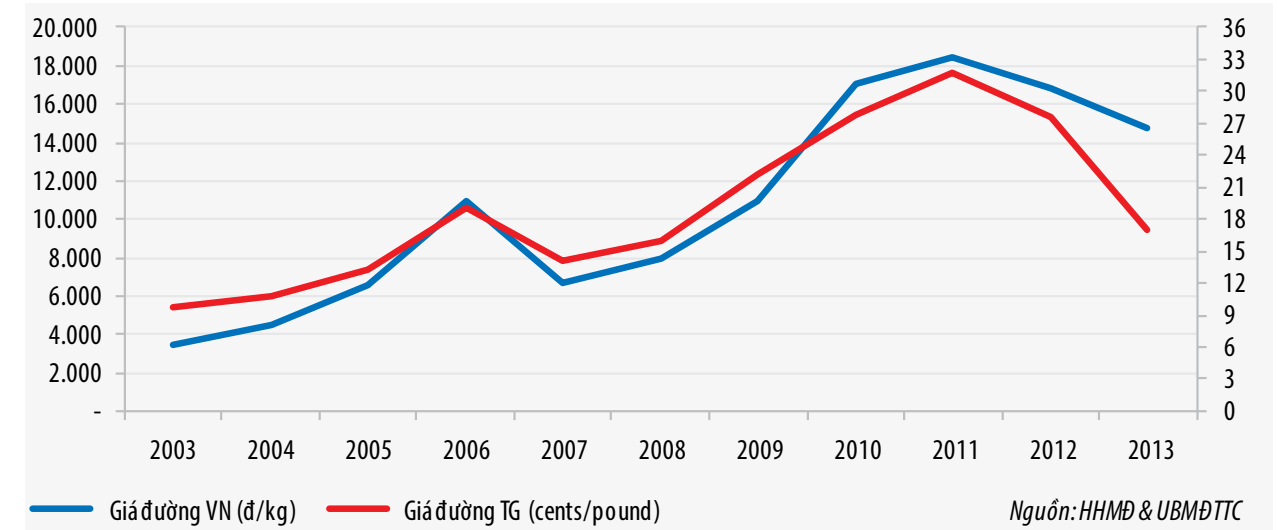
Vào những tháng cuối năm 2013, tăng trưởng kinh tế toàn cầu đã có những dấu hiệu phục hồi tích cực. Châu Âu thoát khỏi suy thoái dài nhất trong lịch sử, khu vực đồng tiền chung Euro lần đầu tiên tăng trưởng dương kể từ Quý 4/2011. Kinh tế Mỹ cũng cho thấy sự phục hồi khả quan với mức tăng trưởng khoảng 2%.

Kinh tế Việt Nam năm 2013 cũng chưa thực sự khả quan. Tăng trưởng kinh tế năm 2013 ước đạt khoảng 5,42%, tăng trưởng thấp, tỷ trọng đầu tư giảm và chất lượng tăng trưởng kinh tế vẫn chưa được cải thiện. Tuy vậy, nền kinh tế vẫn có những nét khá tích cực trong năm 2013 cụ thể: Lạm phát cả năm tăng khoảng 6,42% và tăng ở mức thấp nhất trong 10 năm qua; Tỷ giá duy trì ở mức ổn định và xoay quanh 21.100 VND/USD; Lãi suất cho vay và huy động đã giảm khá mạnh so với năm trước, ...

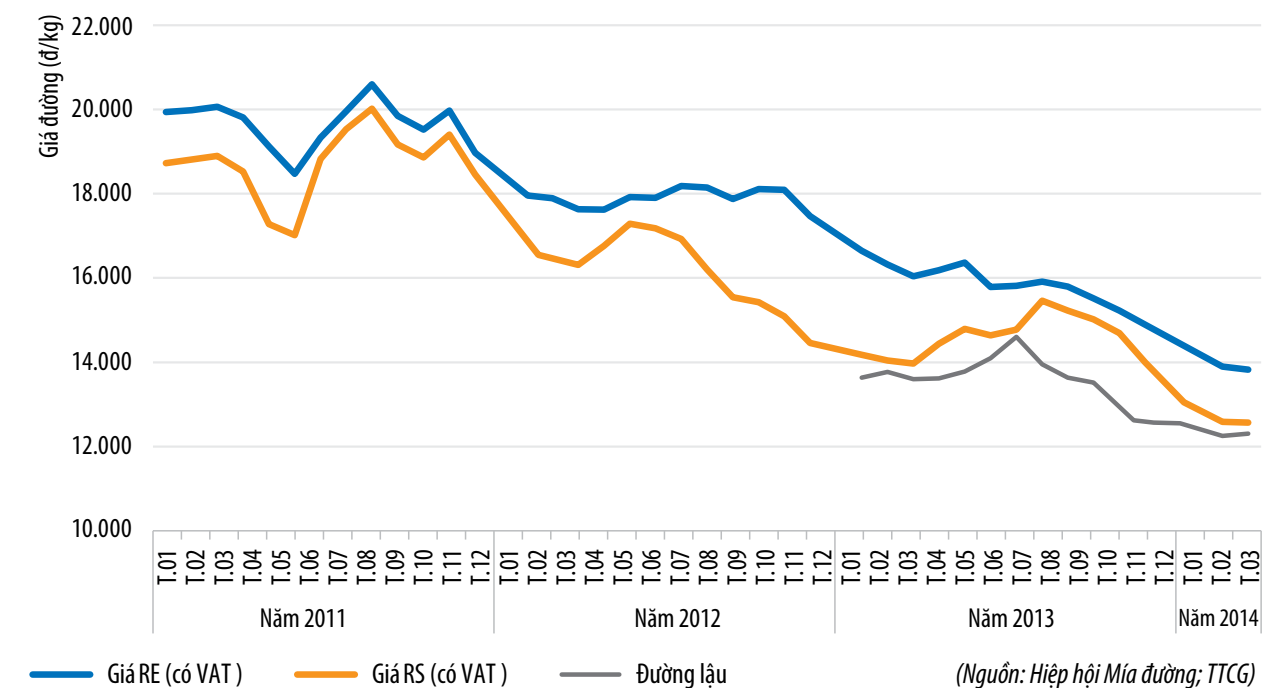
NGÀNH ĐƯỜNG

Trong năm 2013, tình hình ngành mía đường thế giới và trong nước gặp rất nhiều khó khăn. Sản lượng đường thế giới và trong nước niên vụ 2012 - 2013 đều đạt kỷ lục. Theo báo cáo của Tổ chức Đường thế giới,

sản lượng đường thế giới tháng 5-2013 trên 187 triệu tấn, vượt 7,5 triệu tấn so với vụ trước và thừa cung 10,2 triệu tấn. Tình trạng thừa cung dẫn đến giá đường thế giới và trong nước đều giảm.



DIỄN BIẾN GIÁ ĐƯỜNG RE - RS - ĐƯỜNG LẬU



Hiện nay, lượng đường tồn kho lớn và nguồn cung lớn hơn cùng kỳ, cộng với đường nhập lậu chưa được ngăn chặn hiệu quả tạo áp lực đầu ra sẽ càng lớn. Cùng với việc các nhà máy đường miền Nam đầu tư

tại Lào, Campuchia có thể tham gia vào nguồn cung trong nước sẽ tạo áp lực không nhỏ về việc tiêu thụ trong thời gian tới.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2013, Công ty đã tổ chức ép 866.275 tấn mía, sản xuất được 128.294 tấn đường thành phẩm và tiêu thụ được 128.267 tấn đường, vượt 16% kế hoạch nhưng doanh thu thuần chỉ hoàn thành 96% kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt 275 tỷ đồng, chỉ hoàn thành 75% kế hoạch.

Doanh thu từ đường chiếm 89%, còn lại là doanh thu từ mật rỉ, điện và một số sản phẩm khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Chính vì thế, sự sụt giảm mạnh của giá đường trong năm 2013 đã ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh chung của Công ty. Bên cạnh đó, các yếu tố về chi phí nguyên vật liệu, chi phí bán hàng cũng làm cho kết quả không đạt được như kỳ vọng. Mục tiêu giữ vững vùng nguyên liệu trong dài hạn nên Công ty chấp nhận mua mía với

giá cao hơn 1% so với cùng kỳ vụ 2011-2012. Chi phí bán hàng tăng 42% so với kế hoạch do chi phí vận chuyển gia tăng khi Công ty mở rộng phạm vi kinh doanh đến các tỉnh phía Bắc.

Nghiêm túc nhìn nhận những hạn chế trong quá trình điều phối sản xuất, dự báo biến động thị trường trong năm 2013, Công ty đã chủ động có những giải pháp thiết thực trong công tác quản lý, chuẩn bị sẵn sàng cho vụ mùa 2013-2014, tiến hành chấn chỉnh các hoạt động, rà soát và tiết giảm chi phí đặc biệt những biện pháp nâng cao hiệu suất thu hồi đường từ khâu tổ chức đốn chặt trên đồng ruộng đến khâu vận chuyển về nhà máy và đưa vào sản xuất.

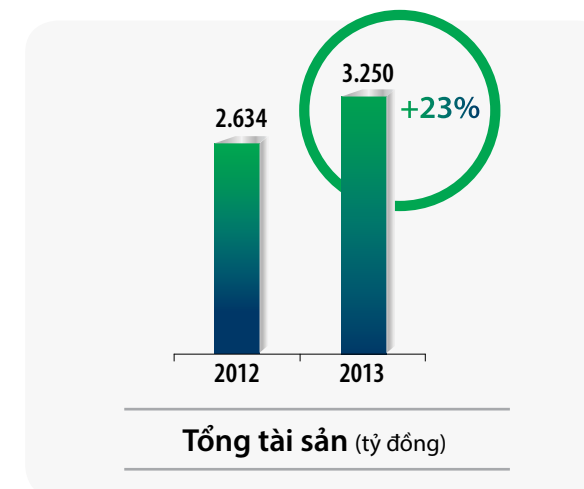


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2012		Tăng (giảm)	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Tài sản ngắn hạn	1.796.911	55%	1.421.289	54%	375.622	+26%
Tài sản dài hạn	1.453.139	45%	1.213.104	46%	240.035	+20%
Tổng tài sản	3.250.050	100%	2.634.393	100%	615.657	+23%



Tổng tài sản đến 31/12/2013 đạt 3.250 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ tương ứng tăng 616 tỷ đồng. Trong đó, tài sản ngắn hạn 1.797 tỷ đồng tăng 26% so cùng kỳ, chiếm 55% tổng tài sản.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2012		Tăng (giảm)	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Nợ ngắn hạn	1.331.029	94%	889.469	95%	441.560	150%
Nợ dài hạn	78.297	6%	49.166	5%	29.131	159%
Tổng nợ phải trả	1.409.326	43%	938.635	36%	470.691	150%

Tổng nợ tại thời điểm 31/12/2013 đạt 1.409 tỷ đồng, tăng 50% so với năm 2012, trong đó tăng chủ yếu là tăng giá trị nợ ngắn hạn. Tuy nhiên, tỷ số nợ/tổng nguồn vốn duy trì an toàn 43% và vẫn đảm bảo tỷ số thanh khoản ở mức 1,35.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

CÔNG TÁC NGUYÊN LIỆU

» Trong năm 2013, cùng với những khó khăn thách thức của ngành đường nói chung và đối với TTCS nói riêng thì việc đầu tư, quy hoạch và phát triển vùng nguyên liệu được xem là nhân tố sống còn đối với công ty. Công ty đã phối hợp với Nhà máy

đường Biên Hòa Tây Ninh thực hiện chuyển giao vùng nguyên liệu theo quy hoạch trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích cho nông dân và giảm chi phí vận chuyển cho 02 nhà máy từ đó gia tăng hiệu quả hoạt động cho công ty.

» Trong công tác thu hoạch và vận chuyển mía về nhà máy công ty đã thực hiện chương trình 4 cải tiến bao gồm chặt sát gốc, mía sạch, mía tươi, mía chín chương trình này đã mang lại kết quả khả quan cho vụ thu hoạch 2013 - 2014 với chữ đường bình quân những tháng đầu vụ đạt 9,4 CCS tăng 12% so với cùng kỳ vụ 2012 - 2013.

» Ngoài ra, áp dụng cơ giới hóa trong khâu trồng và thu hoạch trên đồng ruộng cho bà con nông dân cũng đem lại hiệu quả cao ngoài mong đợi. Việc đưa máy trồng mía hàng đôi và máy thu hoạch trên 6 cánh đồng mẫu lớn (Nông trường Hưng Thịnh, Long Phước, Lợi Thuận, Trại Bourbon Bến Cầu, công ty 22/12 và cánh đồng mẫu lớn tại xã Tân Lập) giúp giảm thiểu chi phí sản xuất mía, tăng nhanh thời gian giao mía về nhà máy từ đó giữ được chữ đường của mía và đảm bảo thu nhập, hướng nông dân gắn kết với cây mía.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC SẢN XUẤT:

» **Công tác sản xuất:** Trong năm 2013, nhà máy đã ép được 866.275 tấn mía, đạt 87% so với kế hoạch; sản lượng đường thành phẩm đạt 128.294 tấn (tăng 16% so với kế hoạch), sản lượng mật rỉ đạt 45.921 tấn và điện đạt 41.187 Mwh.

» **Công tác đầu tư mới năm 2013:** Nhà máy đã thực hiện được 24/27 hạng mục, đạt 89% so với kế hoạch với tổng chi phí đã thực hiện 17,127 tỷ đồng/37,11 tỷ đồng.



SẢN LƯỢNG ĐIỆN ĐẠT

41.187 Mwh

CÔNG TÁC KINH DOANH HỖ TRỢ BÁN HÀNG.

» Trong năm 2013, sản lượng tiêu thụ đường RE của TTCS đạt hơn 128.267 tấn đường vượt 16% so với kế hoạch và tăng 29% so với cùng kỳ, duy trì và có được lượng khách hàng ổn định, giữ vững thị phần cũng như khẳng định vị thế của TTCS tại thị trường nội địa. Nhóm cơ cấu khách hàng của TTCS năm 2013 gồm 02 nhóm chính; nhóm khách hàng công nghiệp và nhóm khách hàng tiêu dùng trong đó xác định khách hàng công nghiệp là đối tượng chính, hiện đang chiếm 90-95% lượng khách hàng của TTCS. Công ty luôn duy trì mối quan hệ chiến lược và phát triển đáng kể về sản lượng cung ứng cho nhóm khách hàng này cụ thể trong năm 2013 tổng sản lượng tiêu thụ tăng 143% so với cùng kỳ 2012 chủ yếu ở các công ty thuộc lĩnh vực giải khát, thực phẩm, dược phẩm và trong xu thế hiện nay việc đảm bảo vệ sinh và chất lượng thực phẩm phải được đặt ra hàng đầu, và sản phẩm của TTCS luôn đáp ứng rất tốt về nhu cầu này.

» Đối với các sản phẩm dành cho người tiêu dùng, TTCS thực hiện các hoạt động quảng bá về chất lượng đường Mimoso, Bonsu nhằm tăng tốc độ nhận biết thương hiệu và uy tín thương hiệu với phương châm “đường tinh luyện cao cấp đạt tiêu chuẩn Châu Âu, phục vụ vì sức khỏe cộng đồng” nhằm chuyển tải thông tin về sản phẩm an toàn, tinh khiết, siêu sạch đến với khách hàng.

» Công ty đã nhập khẩu thành công 23.000 tấn đường thô nguyên liệu và đã xuất khẩu 6.500 tấn đường thành phẩm cung ứng cho các công ty công nghiệp có hạn mức nhập khẩu theo hình thức xuất khẩu tại chỗ. Qua đó, Công ty tạo được niềm tin với đối tác về thái độ phục vụ chu đáo và chất

lượng cao của sản phẩm đường RE, làm nền tảng thúc đẩy cho chương trình xuất khẩu trong những năm tiếp theo.

» Ngoài ra, Công ty đã linh hoạt trong việc mở rộng đầu tư chiến lược nhằm gia tăng lợi thế, gia tăng giá trị cho Công ty và cổ đông. TTCS chủ yếu đầu tư chiến lược vào các doanh nghiệp cùng ngành đường như: Công ty mía đường Nhiệt điện Gia Lai, Công ty cổ phần đường Ninh Hòa, Công ty cổ phần đường La Ngà, Công ty cổ phần đường Biên Hòa, Công ty cổ phần đường Nước Trong, nhằm tận dụng các ưu thế lẫn nhau và gia tăng lợi thế cạnh tranh cho TTCS trong xu thế hội nhập.

CÔNG TÁC XÃ HỘI

Các hoạt động xã hội, đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái đã được Công ty tiếp tục triển khai trong năm với tổng kinh phí hơn 2 tỷ đồng. Ngoài ra, CBNV Công ty còn tham gia các hoạt động như:

» Tham gia hoạt động “Hiến máu nhân đạo”: có hơn 100 đoàn viên tình nguyện tham gia với 76 đơn vị máu.

» Công đoàn viên tham gia quyền góp được 9.230.000 đồng ủng hộ nạn nhân chất độc gia cam/dioxin, quyền góp 1.200.000 đồng cho Quỹ hỗ trợ cựu Thanh niên xung phong, vận động quyền góp 12.685.000 đồng hưởng ứng chương trình “Tấm lưới nghĩa tình vì ngư dân Hoàng Sa, Trường Sa”...

» BCH công đoàn đã thành lập “Quỹ hỗ trợ mượn vốn” để tạo điều kiện cho các đoàn viên công đoàn khi gặp hoàn cảnh khó khăn với tổng số vốn 147.764.310 đồng, kịp thời thăm hỏi các trường hợp các đoàn viên ốm đau hoặc gia đình có hữu sự.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

-41.82%

160 tỷ đồng
lợi nhuận trước thuế

-5.59%

2.096 tỷ đồng
Doanh thu thuần (bao gồm phụ phẩm)

+1.35%

130.000 tấn
sản lượng đường tiêu thụ

+0.28%

128.650 tấn
sản lượng đường thành phẩm

-22.60%

40.000 tấn
Sản lượng đường thô nguyên liệu

+9,90%

952.000 tấn
sản lượng mía ép

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2014

Năm 2014, tuy bối cảnh kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng tốt hơn năm 2013 và các chỉ tiêu kinh tế có chiều hướng tích cực, nhưng giá đường thế giới sẽ còn diễn biến phức tạp và có xu hướng giảm. Trước

tình hình này, Ban Điều hành đã đề ra các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 trên cơ sở thận trọng và đảm bảo tính khả thi, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2013	KH 2014	% Tăng trưởng
Sản lượng mía ép	tấn	866.275	952.000	9,90%
Sản lượng đường thô nguyên liệu	tấn	51.681	40.000	-22,60%
Sản lượng đường thành phẩm	tấn	128.294	128.650	0,28%
Sản lượng đường tiêu thụ	tấn	128.267	130.000	1,35%
Doanh thu thuần (bao gồm phụ phẩm)	tỷ đồng	2.220	2.096	-5,59%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	275	160	-41,82%





MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH TRONG NĂM 2014



Củng cố và cơ cấu lại nhân sự một cách hợp lý nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động cho Công ty đảm bảo ổn định đoàn kết, phát triển bền vững.



» Về nguyên liệu

Trước tình hình cạnh tranh gay gắt giữa cây mía và các loại cây trồng khác trong giai đoạn hiện nay và diện tích mía có nguy cơ sụt giảm do đó để chủ động về nguyên liệu đảm bảo sản lượng cho sản xuất đường từ mía, TTCS đã đề ra các giải pháp chính nhằm giữ vững diện tích hiện có và phát huy tối đa hiệu quả mang lại cho nông dân trồng mía, cụ thể như sau:

» Tập trung công tác khuyến nông, nâng cao năng suất chất lượng mía nguyên liệu nhằm tăng sản lượng đường trên 1 hecta mía, từ đó gia tăng lợi nhuận cho nông dân thông qua các giải pháp như tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến các chính sách đến người trồng mía, tiếp tục khảo nghiệm nghiên cứu các loại giống mới, phân tích đất và thử nghiệm

các loại phân bón để nâng cao sản lượng, chữ đường.

- » Tiếp tục đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư cho nông dân góp phần giảm giá thành cây mía nhằm hướng đến gia tăng năng lực cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập.
- » Tiếp tục duy trì công tác thu hoạch đốn chặt để đảm bảo mía tươi, mía sạch khi về nhà máy.
- » Đầu tư máy móc thiết bị, đưa cơ giới hóa toàn bộ trong khâu trồng, thu hoạch trên cánh đồng và mở rộng thêm các cánh đồng mẫu lớn làm nền tảng phát triển vùng nguyên liệu tập trung trong tương lai.

- » Đầu tư cơ sở hạ tầng trọng yếu: kênh tưới mía vào mùa khô và kênh tiêu chống ngập úng, đường vận chuyển mía,... đặc biệt nghiên cứu mô hình tưới mía phù hợp cho từng vùng nguyên liệu.
- » Tăng cường chăm sóc nông dân, chú trọng đây là kênh cung cấp huyết mạch, quyết định sự sống còn của nhà máy trong việc đảm bảo vùng nguyên liệu.
- » Củng cố và cơ cấu lại nhân sự một cách hợp lý nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động cho công ty đảm bảo ổn định đoàn kết, phát triển bền vững.



SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG TIÊU THỤ

128.267

TẤN ĐƯỜNG

» Về sản xuất

Cải thiện năng suất lao động tăng 5%.

Nâng cao hệ số tổng thu hồi mục tiêu không thấp hơn 80,5%, đảm bảo an toàn thiết bị phần đầu không thấp hơn 98,6%, đảm bảo sản phẩm không phù hợp/đường thành phẩm ở mức nhỏ hơn 0,12%, ...

Xác định công suất hợp lý và đạt hiệu quả tối ưu trong dây chuyền sản xuất.

Tập trung dự án sản xuất cồn thực phẩm Alcohol với công suất 100.000 lít/ngày, (tương đương 21 triệu lít/năm) nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất hướng đến mục tiêu hạ thấp giá thành đường thành phẩm nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh của TTCS trong thời kỳ hội nhập.

» Về nhân sự

Hoàn thiện hệ thống đánh giá KPI theo định dạng thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard) để việc đánh giá hiệu quả hơn, kết quả thực hiện công việc/mục tiêu gắn kết giữa các nhân - đơn vị - công ty.

Đánh giá năng lực CBCNV nhằm tuyển chọn đội ngũ tiềm năng kế thừa để có cơ sở xây dựng chương trình đào tạo cho phù hợp.

Chuẩn hóa hệ thống thang lương cho phù hợp với tình hình thực tế.

Tinh gọn bộ máy tổ chức đợt 2 sau khi kết thúc vụ sản xuất 2013 - 2014.

» Về kinh doanh

Phối hợp với sản xuất để đa dạng hóa sản phẩm với chất lượng và mức giá tương xứng nhằm gia tăng sự chọn lựa cho khách hàng.

Duy trì các mối quan hệ và từng bước trở thành đối tác chiến lược về gia công - xuất khẩu với các tên tuổi lớn trong lĩnh vực đường và nông sản của thế giới vừa đảm bảo sản lượng bán vừa để đảm bảo hình ảnh chuyên nghiệp ở tầm quốc tế của TTCS.

Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu mới cho TTCS sau quá trình chuyển đổi tên công ty hoàn tất. Tham gia các hội chợ, hội thảo, hội nghị quốc tế về mía đường trong khu vực nhằm quảng bá hình ảnh, sản phẩm đến các khách hàng xuất khẩu.

» Một số nhiệm vụ khác

Tăng cường khai thác các nguồn vốn lãi suất thấp.

Chú trọng công tác kiểm soát chi phí nhằm đảm bảo giá thành mục tiêu.

Phân tích đánh giá và cấu trúc lại danh mục đầu tư các công ty cùng ngành, hướng đến quá trình M&A nhằm phát huy tối đa các giá trị có thể cộng hưởng, tăng cường năng lực cạnh tranh trong xu thế hội nhập.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“ Năm 2013 là năm vùng nguyên liệu Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh có mía đạt CCS bình quân trên 9,0 trong hơn 10 năm qua. Đây là kết quả bước đầu rất khả quan và làm tiền đề cho Công ty và nông dân phấn đấu nâng cao chất lượng cây mía nhằm tăng thêm lợi ích và giảm tổn thất xã hội.

Năm 2013 là năm thứ 6, Việt Nam rơi vào trì trệ, tăng trưởng dưới tiềm năng. Đây cũng là giai đoạn bất ổn kinh tế vĩ mô kéo dài nhất, tính từ đầu thập niên 1990 đến nay.

Sự quyết tâm cùng với những nỗ lực vượt bậc của thế giới có thể chưa đủ để làm thay đổi hoàn toàn bức tranh kinh tế toàn cầu, nhưng năm 2013 được đánh giá là năm “bản lề” đối với nền kinh tế thế giới bởi cuộc khủng hoảng nợ ở châu Âu được xem là đã chạm đáy, mức tăng trưởng khả quan của nền kinh tế Mỹ khiến Ngân hàng dự trữ liên bang (FED) có

thể ngừng chương trình kích thích kinh tế, trong khi chương trình cải cách của Nhật Bản bước đầu đạt kết quả tích cực. Mặc dù những dấu hiệu tích cực trên khiến dư luận lạc quan hơn về bức tranh kinh tế toàn cầu năm 2014, song trên thực tế vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro bên cạnh tình hình tình hình chính trị bất ổn ở một vài nước có thể khiến nền kinh tế thế giới chệch khỏi đà phục hồi vẫn còn mong manh.

Tốc độ tăng GDP năm 2013 của Việt Nam chỉ đạt 5,42% so với năm 2012, là năm thứ ba liên tiếp tăng dưới

6% và không hoàn thành mục tiêu đề ra, tổng cầu của nền kinh tế vẫn yếu, thị trường tiêu thụ trong nước thu hẹp. Số liệu từ Tổng cục Thống kê cho biết, ước tính năm 2013 có khoảng 60.737 doanh nghiệp khó khăn phải giải thể hoặc ngừng hoạt động, tăng 12% so với năm 2012.

Năm 2013, trước bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, với trách nhiệm là cơ quan định hướng, dẫn dắt mọi hoạt động của Công ty cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh, HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn, như sau:

Năm 2013, HĐQT đã tổ chức 15 phiên họp, trong đó có 9 phiên họp thường kỳ và 6 phiên họp đột xuất để đưa ra các chủ trương, định hướng và giải pháp kịp thời.

Quá trình thực hiện mục tiêu năm 2013, HĐQT luôn tập trung chỉ đạo xuyên suốt kế hoạch nguyên liệu, xem đây là nhiệm vụ hàng đầu, mang tính sống còn của Công ty. Đồng thời, thực hiện đồng bộ các giải pháp:

- Tái cấu trúc Công ty, hợp nhất một số phòng ban để đảm bảo hiệu quả công việc và phù hợp với thực tiễn, hoàn thiện hệ thống phân công, phân nhiệm và ủy quyền, xây dựng và hoàn thiện quy trình, quy chế, quy định để tăng cường công tác quản trị và hoàn thiện hệ thống quản lý. Thực

hiện phương châm Quản trị tập trung và Điều hành phân cấp.

- Đề ra các chủ trương về công tác tuyển dụng, chính sách lương thưởng, sử dụng nguồn nhân lực và chính sách nhân sự để Ban Tổng Giám đốc (TGD) hoàn thiện và cải tiến tốt hơn.
- Về lĩnh vực Tài chính – Đầu tư: tổ chức thực hiện các hoạt động đầu tư và đảm bảo thanh khoản cho Công ty. Đồng thời chuẩn bị cho dự án xây dựng nhà máy sản xuất cồn thực phẩm, nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.
- Hoàn thiện hệ thống Công nghệ thông tin, triển khai áp

dụng kế hoạch Công ty, kế hoạch hành động, kế hoạch ngân sách và theo dõi kết quả thực hiện trên phần mềm chuyên dụng. Hoàn thành việc thay đổi tên miền website và email Công ty theo hệ thống tên mới.

- Về lĩnh vực Nông nghiệp: Xây dựng cơ chế chính sách đầu tư phát triển vùng nguyên liệu theo vùng quy hoạch, đẩy mạnh chính sách đầu tư cơ giới hóa đồng ruộng từ khâu trồng và chăm sóc đến khâu thu hoạch, đầu tư thêm máy móc thiết bị phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp của Công ty và nông dân trồng mía trên địa bàn. Công ty đẩy mạnh đầu tư cơ giới hóa nông nghiệp, hoàn thiện chính sách và vận hành mô hình cánh đồng mẫu lớn



để tăng quy mô diện tích, tỷ trọng cơ giới hóa, năng suất và chữ đường cho toàn vùng mía nhằm đảm bảo nhu cầu, tiêu chuẩn nguyên liệu và nâng cao thu nhập của người dân trồng mía, đưa công nghiệp hóa và hiện đại hóa đến với bà con nông dân trồng mía. Giám sát công tác đầu tư và thu hồi nợ nguyên liệu. Trong hơn 10 năm qua, năm 2013 cũng là năm vùng nguyên liệu có mía đạt CCS bình quân trên 9,0. Đây là kết quả bước đầu rất khả quan và làm tiền đề cho Công ty và nông dân phấn đấu nâng cao chất lượng cây mía nhằm tăng thêm thu nhập đồng thời giúp giảm tổn thất xã hội.

- Về công tác đổi tên Công ty: HĐQT đã hoàn thành việc đổi tên Công ty từ Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh thành tên Công ty cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh vào tháng 12/2013 và đang hoàn thiện hệ thống nhận diện thương hiệu Công ty theo tên mới.
- Lĩnh vực Thương mại: củng cố và mở rộng khách hàng công nghiệp trong nước, mở rộng xuất khẩu ra các nước trong khu vực châu Á & Trung Đông nhằm hội nhập và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Mặt khác, HĐQT đã coi trọng việc xây dựng và thực thi chính sách kiểm tra, kiểm soát; tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ - chính sách và công cụ quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh và đầu tư. Nhìn chung, năm 2013 do nền kinh tế vẫn còn

nhiều khó khăn và chưa ổn định dẫn đến khó khăn trong công tác dự liệu thị trường và xây dựng kế hoạch giá bán. Vì vậy, tuy Công ty đạt vượt mục tiêu sản lượng đường tiêu thụ 16% nhưng tổng doanh thu chỉ đạt 96% và lợi nhuận đạt 75% chỉ tiêu ĐHCĐ giao phó. Mặc dù Công ty chưa đạt toàn diện các chỉ tiêu ĐHCĐ giao phó nhưng đây là sự nỗ lực cố gắng vượt bậc của HĐQT, BKS, BĐH và toàn thể CBNV Công ty trong bối cảnh kinh tế hiện nay.

- HĐQT nhận thấy tính hệ thống trong hoạt động của Công ty ngày càng phát triển ổn định. Tuy nhiên, HĐQT cũng nhìn thấy những mặt chưa đủ mạnh so với nhu cầu phát triển và hội nhập thị trường. Từ đó, đề ra các giải pháp khắc phục để khai thác thế mạnh và tiềm năng của Công ty cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HĐQT được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc. Ngoài các phiên họp định kỳ hàng tháng, Ban Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh.

Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực cố gắng thực hiện các quyết định của ĐHCĐ và HĐQT, có những cải tiến hợp lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc cũng có những đề xuất, chính sách khen thưởng kịp thời nhằm động viên tinh thần cống hiến, hăng say làm việc của người lao động.

Với sự lãnh đạo tập trung và xuyên suốt của HĐQT trong bối cảnh tình hình kinh tế khó khăn chung của Việt Nam và Thế giới, Công ty cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh đã đạt những kết quả như sau:

Tổng sản lượng mía ép cả năm đạt

866.275 TẤN ĐẠT **87%** SO VỚI KẾ HOẠCH

Sản lượng đường tiêu thụ đạt

128.267 TẤN ĐẠT **116%** SO VỚI KẾ HOẠCH

Doanh thu thuần (bao gồm phụ phẩm) đạt

2.220 TỶ ĐỒNG ĐẠT **96%** SO VỚI KẾ HOẠCH

Lợi nhuận trước thuế đạt

275 TỶ ĐỒNG ĐẠT **75%** SO VỚI KẾ HOẠCH



KẾ HOẠCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2014

Trong năm 2014, HĐQT xây dựng kế hoạch hoạt động như sau:

- Tăng cường công tác Hỗ trợ và giám sát thực hiện kế hoạch để có những chỉ đạo sát sao và kịp thời cho việc thực hiện kế hoạch năm 2014 của Công ty.
- Tập trung công tác duy trì và ổn định, phát triển vùng nguyên liệu cả về số lượng và chất lượng. Chú trọng công tác khuyến khích và vận động phát triển mô hình cánh đồng mẫu lớn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp.
- Tập trung công tác hợp tác và kết hợp với Trung tâm nghiên cứu ứng dụng Mía đường Thành Thành Công nhằm phục vụ công tác phân tích

đất, phục tráng và phát triển mía giống. Triển khai xây dựng sơ đồ giống mía phù hợp cho từng vùng nguyên liệu để kéo dài thời gian sản xuất, nâng cao chất lượng cây mía. Tiếp tục duy trì và phát triển chính sách đầu tư, thu mua hợp lý nhằm khuyến khích người dân gắn bó với cây mía, quản lý đốn chặt khoa học và thông tin rộng rãi đến bà con nông dân trồng mía. Thực hiện phương châm của Công ty cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh là: "luôn đồng hành phát triển cùng người dân trồng mía".

- Cử nhân sự tham gia hoạt động điều hành Công ty cổ phần Công nghiệp hóa chất Tây Ninh để điều hành và xây dựng dự án Sorbitol. Chỉ đạo công tác nghiên cứu, hoàn thiện dự án khả thi và triển khai hợp tác xây dựng nhà máy sản xuất cồn thực phẩm công suất 100.000 lít/ngày.

- Chỉ đạo và giám sát công tác hoàn thiện công tác quản lý Trại mía giống TTCS Bến Cầu để phát triển thành trại mía kiểu mẫu, đi đầu trong công việc áp dụng các phương pháp mới, cơ giới hóa từ khâu trồng, chăm sóc đến khi thu hoạch để tạo ra sản phẩm chất lượng cao cho Công ty.
- Mở rộng quan hệ với các đối tác chiến lược và giao thương nước ngoài nhằm khai thác, phát triển tiềm năng và lợi thế của Công ty cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh. Phát động, vận hành và phát triển chương trình "Người địa phương dùng hàng địa phương" trên địa bàn nhà máy hoạt động.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý, đào tạo nhân sự và đặc biệt chú trọng phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa.

CÔNG SUẤT NHÀ MÁY SẢN XUẤT CỒN THỰC PHẨM

100.000

LÍT/NGÀY

- Chỉ đạo và giám sát việc thi công xây dựng dự án Trung tâm Thương mại Tây Ninh để hoàn thành dự án theo tiến độ, nhằm đảm bảo uy tín Công ty với địa phương và mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ ít nhất mỗi quý 1 lần để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHQĐ.



VỚI MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NÊU TRÊN, HĐQT CHÚNG TÔI TIN RẰNG CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG THÀNH THÀNH CÔNG TÂY NINH HOÀN TOÀN CÓ KHẢ NĂNG HOÀN THÀNH TỐT NHẤT KẾ HOẠCH NĂM 2014 VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THẮNG LỢI CÁC MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG CHO NHỮNG NĂM TIẾP THEO.

Với mục tiêu đánh mạnh vào thị trường xuất khẩu, Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh không ngừng tích lũy kinh nghiệm, mở rộng hợp tác với các nước tiên tiến trên thế giới nhằm tạo đà cho những bước phát triển mới trong tương lai.

Mở rộng HỘI NHẬP PHÁT TRIỂN



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 66 Hội đồng Quản trị
- 72 Ban Kiểm soát
- 76 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



“ SỰ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2013 NHẪM HIỆN THỰC HÓA CÁC MỤC TIÊU VỀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ VÙNG NGUYÊN LIỆU, QUẢN TRỊ SẢN XUẤT, KHAI THÁC TỐI ĐA CÁC LỢI THẾ VỀ CÔNG NGHỆ.

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HIỆN NAY

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu (chốt ngày 24/12/2013)	Tỷ lệ	Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác
Đặng Huỳnh Ước My	Chủ tịch HĐQT	4.197.430	2,83%	<ul style="list-style-type: none"> » Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công. » Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.
Lê Văn Đình	Thành viên	15.900	0,01%	» Không có.
Võ Tông Xuân	Thành viên	0	0,00%	» Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công.
Thái Văn Chuyện	Thành viên	955.710	0,64%	<ul style="list-style-type: none"> » Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Điện Gia Lai. » Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa. » Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.
Phạm Hồng Dương	Thành viên	851.710	0,57%	<ul style="list-style-type: none"> » Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa. » Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.



SỰ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2013

Để hiện thực hóa các mục tiêu về tăng cường công tác phát triển và quản lý vùng nguyên liệu, quản trị sản xuất nhằm khai thác tối đa các lợi thế về công nghệ, ngày 01/03/2013 HĐQT đã quyết định bổ nhiệm

thành viên HĐQT thay thế cho bà Trần Quế Trang là Ông Phạm Hồng Dương (nguyên giám đốc Nhà máy) và đã được ĐHCĐ thường niên 2012 nhất trí thông qua ngày 25/04/2013.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban mà phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cho từng thành viên trong Hội đồng theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Ngày họp	Họp thường kỳ/ Số biên bản	Nội dung
1	04.01.2013	001/2013/BB- HĐQT	Họp định kỳ Hội đồng Quản trị. Nội dung họp: » BTGD báo cáo hoạt động của Công ty trong tháng qua. » Báo cáo kiểm soát của Ban Kiểm soát » Giải quyết các vấn đề BTGD trình HĐQT
2	09.01.2013	002/2013/BB-HĐQT	Họp bất thường Hội đồng Quản trị. Nội dung họp là phê duyệt chủ trương ký kết các hợp đồng mua, bán và giao dịch khác giữa Công ty và một số các đối tác khác có giá trị hợp đồng nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty.
3	28.02.2013	003/2013/BB-HĐQT	Họp định kỳ Hội đồng Quản trị. Nội dung họp: » BTGD báo cáo hoạt động của Công ty trong tháng qua. » Báo cáo kiểm soát của Ban Kiểm soát » Giải quyết các vấn đề BTGD trình HĐQT
4	28.02.2013	04/2013/BB-HĐQT	Họp bất thường Hội đồng Quản trị. Nội dung họp là phê duyệt phương án góp vốn thành lập Công ty cổ phần nghiên cứu, ứng dụng mía đường Thành Thành Công và cử người đại diện nắm giữ phần vốn góp.
5	22.03.2013	05/2013/BB-HĐQT	Họp định kỳ Hội đồng Quản trị. Nội dung họp: » BTGD báo cáo hoạt động của Công ty trong tháng qua. » Báo cáo kiểm soát của Ban Kiểm soát » Giải quyết các vấn đề BTGD trình HĐQT
6	25.04.2013	06/2013/BB-HĐQT	Họp định kỳ Hội đồng Quản trị. Nội dung họp: » BTGD báo cáo hoạt động của Công ty trong tháng qua. » Báo cáo kiểm soát của Ban Kiểm soát. » Giải quyết các vấn đề BTGD trình HĐQT.
7	09.05.2013	07/2013/BB - HĐQT	Họp bất thường Hội đồng Quản trị. Nội dung họp: » Chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động. » Cử đại diện vốn góp của Công ty tại Công ty CP Công nghiệp hóa chất Tây Ninh. » Điều chỉnh thù lao của Chủ tịch HĐQT. » Phân nhiệm và thù lao cho thành viên HĐQT & BKS mới được bổ nhiệm.

8	20.05.2013	08/2013/BB - HĐQT	Họp bất thường Hội đồng Quản trị. Nội dung họp: » Từ nhiệm chức vụ PTGD TT của ông Trịnh Minh Châu. » Từ nhiệm chức vụ Giám đốc khối hỗ trợ của ông Lê An Khang. » Đề cử ứng viên tham gia HĐQT & BKS Công ty CP Mía đường La Ngà. » Đề cử ứng viên tham gia HĐQT Công ty CP Bourbon An Hòa.
9	17.06.2013	09/2013/BB-HĐQT	Họp định kỳ Hội đồng Quản trị. Nội dung họp: » BTGD báo cáo hoạt động của Công ty trong tháng qua. » Báo cáo kiểm soát của Ban Kiểm soát » Giải quyết các vấn đề BTGD trình HĐQT
10	16.07.2013	10/2013/BB-HĐQT	Họp bất thường Hội đồng Quản trị. Nội dung họp: » Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2013 » Phân bổ số lượng cổ phiếu mà CBNV không đóng tiền mua cổ phiếu ESOP như đã đăng ký.
11	20.07.2013	11/2013/BB-HĐQT	Họp bất thường Hội đồng Quản trị. Nội dung họp: » Sửa đổi Điều lệ Công ty. » Đăng ký và niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm. » Phân công phân nhiệm trong BTGD, GD khối. » Ủy quyền từ HĐQT cho các thành viên BTGD, GD khối. » Tăng hạn mức ngắn hạn tại Ngân hàng HSBC Việt Nam. » Vay vốn trung & dài hạn tại Vietcombank Tp.HCM đầu tư mới 2013. » Đăng ký chữ ký tại các Ngân hàng, Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh, Công ty chứng khoán HSC.
12	13.09.2013	12/2013/BB-HĐQT	Họp định kỳ Hội đồng Quản trị. Nội dung họp: » BTGD báo cáo hoạt động của Công ty trong tháng qua. » Báo cáo kiểm soát của Ban Kiểm soát » Giải quyết các vấn đề BTGD trình HĐQT
13	23.10.2013	13/2013/BB-HĐQT	Họp định kỳ Hội đồng Quản trị. Nội dung họp: » BTGD báo cáo hoạt động của Công ty trong tháng qua. » Báo cáo kiểm soát của Ban Kiểm soát » Giải quyết các vấn đề BTGD trình HĐQT
14	28.11.2013	14/2013/BB-HĐQT	Họp định kỳ Hội đồng Quản trị. Nội dung họp: » BTGD báo cáo hoạt động của Công ty trong tháng qua. » Báo cáo kiểm soát của Ban Kiểm soát » Giải quyết các vấn đề BTGD trình HĐQT
15	10.12.2013	15/2013/BB-HĐQT	Họp định kỳ Hội đồng Quản trị. Nội dung họp: » BTGD báo cáo hoạt động của Công ty trong tháng qua. » Báo cáo kiểm soát của Ban Kiểm soát » Giải quyết các vấn đề BTGD trình HĐQT



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Tất cả các thành viên trong Hội đồng Quản trị đều không tham gia điều hành. Hội đồng Quản trị phân công cho bà Đặng Huỳnh Úc My – Chủ tịch HĐQT và ông Lê Văn Dĩnh – Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị giữ vai trò thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Trong năm 2013, thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của

Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp tích cực cùng với Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các chủ trương, chính sách, quyết định xác thực, công tâm và kịp thời.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM

- » Bà Đặng Huỳnh Úc My;
- » Ông Lê Văn Dĩnh;
- » Ông Thái Văn Chuyện;
- » Ông Phạm Hồng Dương;
- » Ông Võ Tòng Xuân.



**THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT**

Thành viên BKS	Chức vụ	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Thùy Vân	Trưởng BKS	442.870	0,30%
Lê Văn Hòa	Thành viên BKS	0	0,00%
Lê Nho Định	Thành viên BKS	0	0,00%

**HOẠT ĐỘNG CỦA
BAN KIỂM SOÁT**

Với những nỗ lực trong công tác rà soát, chấn chỉnh, đồng thời nêu cao tinh thần tự giác, trong năm qua các Khối phòng ban luôn đảm bảo tuân thủ các Quy chế, Quy trình, Quy định đã ban hành. Thông qua hoạt động kiểm soát cũng đã giúp cho công tác quản lý, điều hành của Công ty được an toàn và hiệu quả hơn.

Trong năm 2013, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng Quý, đồng thời thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty cũng như soát xét tình hình tài chính.

- » Quý 1: Họp thông qua kế hoạch hành động của BKS trong năm 2013. Thông qua Báo cáo thẩm tra Báo cáo tài chính 2012.
- » Quý 2: Họp phân công nhiệm vụ cho các TV BKS mới được đề cử trong ĐHCĐ 2012.
- » Quý 3: Họp Thông qua Báo cáo soát xét BCTC 6 tháng 2013. Điều chỉnh kế hoạch hành động 6 tháng cuối năm 2014.
- » Quý 4: Đánh giá kết quả kinh doanh 9 tháng 2013.

Các thành viên trong BKS đều thống nhất ý kiến trong các cuộc họp.

KIỂM TRA TÍNH TUÂN THỦ

Trong năm 2013, BKS đã đề ra các chương trình hành động cụ thể, trong đó chú trọng công tác giám sát và phối hợp với HĐQT và BĐH trên tinh thần tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông năm 2013, tuân thủ Quy trình - Quy chế hoạt động và các quy định Pháp luật.

Qua quá trình kiểm tra, BKS nhận thấy các hoạt động Công ty đều phù hợp với nội dung qui định trong Giấy phép đăng ký kinh doanh, Điều lệ và tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, chế độ quản lý của Nhà nước, chế độ tài chính kế toán. Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng qui định.

BKS cũng xem xét mức độ phù hợp của các Quyết định của HĐQT, BĐH trong công tác quản lý, điều hành; tiến hành kiểm soát trình tự ban hành các văn bản của Công ty để đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Với những nỗ lực trong công tác rà soát, chấn chỉnh, đồng thời nêu cao tinh thần tự giác, trong năm qua các Khối phòng ban luôn đảm bảo tuân thủ các Quy chế, Quy trình, Quy định đã ban hành. Thông qua hoạt động kiểm soát cũng đã giúp cho công tác quản lý, điều hành của Công ty được an toàn và hiệu quả hơn.

KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2013, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2013, thực hiện đầy đủ việc chi trả thù lao HĐQT, BKS; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 với Công ty TNHH KPMG Việt Nam theo đúng Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2012 đã đề ra.

Đối với mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, Công ty luôn chú trọng giữ vững uy tín, sử dụng các nguồn vốn vay đúng mục đích, phục vụ hiệu quả cho hoạt động kinh doanh, trả nợ gốc và lãi vay đúng kỳ hạn.

Qua một năm hoạt động, BKS nhận được sự tín nhiệm của HĐQT về các ý kiến đóng góp cho Công ty; các nội dung khuyến nghị của BKS đã được Ban TGD ghi nhận và thống nhất chấn chỉnh để công tác quản lý tốt hơn. Bên cạnh đó BKS và Phòng KSNB cũng đã phối hợp hỗ trợ các Khối phòng ban trong công tác thu hồi nợ, giám sát nghiệm thu đầu tư nông dân, kiểm soát việc thu mua nguyên liệu trong vụ sản xuất, công tác thanh tra quyết toán với cơ quan Thuế...

Trong quá trình kiểm tra, BKS đã chú trọng xem xét, đánh giá các hoạt động trọng yếu của Công ty, đặc biệt là hoạt động Nông nghiệp. Bước vào mùa vụ sản xuất đường 2013 – 2014, thực hiện chương trình nguyên liệu mía chín, tươi, sạch và sát gốc nhằm đảm bảo thu nhập cho người trồng mía, ổn định vùng nguyên liệu, BKS - P.KSNB – Khối NN thành lập Tổ kiểm soát nguyên liệu, giữ vai trò kiểm soát việc thực thi các chính sách và quy trình quản lý thu hoạch mía tại địa phương. Tất cả cùng hướng đến mục tiêu giúp cho mùa vụ thu hoạch đạt được nhiều kết quả thuận lợi, đảm bảo các chính sách được thực thi nghiêm túc.



KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐỊNH KỲ

BKS đã thực hiện việc thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm của Công ty trong năm tài chính 2013. BKS cũng đã thực hiện kiểm tra các quy trình lập hoá đơn, chứng từ và các bộ hồ sơ liên quan, phương pháp ghi sổ kế toán, tổng hợp thông tin và trình bày trên báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và quy định về lưu trữ chứng từ kế toán để qua đó xác nhận về tính trung thực, hợp lý của các tài liệu, số liệu kế toán và báo cáo tài chính.



THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

» Kết quả kinh doanh 2013

Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được lập kịp thời và đầy đủ theo đúng quy định về Hệ thống kế toán doanh nghiệp, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành của Chế độ kế toán Việt Nam.

Các số liệu phản ánh trên báo cáo tài chính năm 2013 đã thể hiện rõ ràng, trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

» Về công tác Quản trị - Điều hành

Trước những khó khăn của nền kinh tế, HĐQT và BTGD đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. Qua công tác kiểm tra, giám sát, BKS nhận thấy hoạt động quản trị - điều hành của HĐQT và BTGD đã tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và Cổ đông. Hội đồng Quản trị đã ban hành kịp thời các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến các vấn đề về hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác tổ chức nhân sự kịp thời, theo đúng yêu cầu. HĐQT cũng đã bám sát các mục tiêu, định hướng mà ĐHCĐ đã đề ra để triển khai thành các nhiệm vụ cụ thể.

Việc phân định quyền hạn và trách nhiệm cũng được cụ thể hóa trong từng thành viên HĐQT, BTGD, từng hoạt động của các Phòng ban và từng nhân

viên góp phần thúc đẩy việc hoàn thành nhiệm vụ. Thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ, BTGD luôn có sự chỉ đạo thường xuyên sâu sát xuống các Phòng ban/Bộ phận và đưa ra những phương hướng, giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

BKS thống nhất với nội dung báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh mà BTGD đã trình bày, đồng thời đánh giá cao những cố gắng của BTGD trong việc tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cũng như có những ứng phó nhanh chóng, kịp thời với những biến động của thị trường. Với kết quả đạt được, Công ty đã minh chứng vị thế của mình là một trong những đơn vị hoạt động có hiệu quả, có tiềm lực và nội lực vững vàng.

» Kiến nghị

Căn cứ vào những đánh giá toàn diện về hoạt động của Công ty trong suốt năm 2013, BKS có một số kiến nghị như sau:

» BĐH cần thường xuyên quan tâm công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản lập quy góp phần hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, kiện toàn công tác quản lý Công ty; Tổ chức các hoạt động nêu cao tinh thần tự chấn chỉnh để có thời gian nhìn lại quá trình vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó có sự điều chỉnh kịp thời những vấn đề còn bất cập.



» Để khai thác hết công suất hiện có của nhà máy, Công ty cần quan tâm hơn nữa công tác đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu mía bằng các giải pháp thiết thực và phù hợp, đảm bảo có nguồn nguyên liệu ổn định, bền vững. Xây dựng mục tiêu và kế hoạch cụ thể cho việc chủ động vùng nguyên liệu để giảm dần rủi ro khi có sự tác động từ các yếu tố thị trường, thiên nhiên, mùa vụ, chuyển đổi giống cây trồng ...

» Bên cạnh việc thực hiện công tác bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ, Nhà máy cần quan tâm đến việc đánh giá tính đồng bộ của toàn bộ dây chuyền sản xuất để có những biện pháp khắc phục, đầu tư kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả của một trong những Nhà máy sản xuất đường hiện đại nhất Việt Nam.

» Đối với công tác kinh doanh, cần theo dõi và tiên liệu diễn

biến thị trường đường để có kế hoạch tiêu thụ phù hợp đạt hiệu quả cao; thẳng thắn đánh giá, nhìn nhận ưu - nhược điểm từ khâu sản xuất - kiểm tra chất lượng thành phẩm - bảo quản hàng tồn kho từ đó có biện pháp khắc phục và phòng ngừa những rủi ro về chất lượng sản phẩm có thể xảy nhằm giữ vững uy tín của thương hiệu trong ngành đường.

Với phương châm hỗ trợ và kiện toàn hệ thống, Ban Kiểm soát luôn giữ vững vai trò nòng cốt trong việc rà soát, phát hiện và cải tiến hệ thống hoạt động, giúp HĐQT và BĐH an tâm, vững tin trong công tác quản trị - điều hành.

Cuối cùng, thay mặt BKS, xin chân thành cảm ơn HĐQT, BĐH và các Phòng ban nghiệp vụ của Công ty đã luôn tạo điều kiện và hợp tác để chúng tôi hoàn thành tốt vai trò của mình trong suốt năm vừa qua.



TÌNH HÌNH CHI TRẢ THÙ LAO VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS NĂM 2013

Công ty tiến hành chi trả thù lao và chi phí hoạt động cho HĐQT và BKS theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua. Số tiền thù lao thuần đã chi trong năm 2013 như sau:

STT	Chức danh	Số người	Số tháng	Số tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	775.000.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	12	420.000.000
3	Thành viên HĐQT	3	12	1.080.000.000
4	Trưởng Ban Kiểm soát	1	12	240.000.000
5	Thành viên BKS	2	12	488.334.000
TỔNG CỘNG				3.003.334.000

Số tiền chi phí hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát: 4.361.855.094 đồng.

Tổng số tiền thù lao và kinh phí hoạt động: 7.365.189.094 đồng (thực hiện 73,65%).

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG LỚN

Ngày 25/04/2013, Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh công bố thông tin báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ như sau:

» Số lượng đăng ký bán lại	: 8.895.030 cổ phiếu
» Số lượng đã thực hiện	: 419.640 cổ phiếu
» Thời gian thực hiện	: từ ngày 25/03/2013 đến ngày 02/04/2013
» Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi đăng ký giao dịch	: 8.895.030 cổ phiếu
» Số lượng cổ phiếu quỹ hiện có	: 8.475.390 cổ phiếu
» Giá giao dịch bình quân	: 14.880 đồng / cổ phiếu
» Phương thức giao dịch	: Giao dịch khớp lệnh

Ngày 23/05/2013, Công ty cổ phần Điện Gia Lai công bố thông tin giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ như sau:

» Mã chứng khoán giao dịch	: SBT
» Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu tổ chức thực hiện giao dịch đang nắm giữ	: 10.700.930 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ : 8,36%
» Số lượng cổ phiếu đã đăng ký bán	: 2.000.0000 cổ phiếu
» Số lượng cổ phiếu đã giao dịch	: 92.700 cổ phiếu
» Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch	: 10.608.230 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 8,29%
» Phương thức giao dịch	: Khớp lệnh hoặc thỏa thuận
» Thời gian thực hiện giao dịch	: Từ ngày 23/04/2013 đến ngày 23/05/2013

Ngày 14/06/2013, Công ty cổ phần Điện Gia Lai công bố thông tin giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ như sau:

» Số lượng đăng ký bán lại	: 8.895.030 cổ phiếu
» Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu tổ chức thực hiện giao dịch đang nắm giữ	: 10.608.230 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ: 8,29%
» Số lượng cổ phiếu đã đăng ký bán	: 2.000.0000 cổ phiếu
» Số lượng cổ phiếu đã giao dịch	: 2.000.0000 cổ phiếu
» Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch	: 8.608.230 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 6,73%
» Phương thức giao dịch	: Khớp lệnh
» Thời gian thực hiện giao dịch	: Từ ngày 29/05/2013 đến ngày 14/06/2013

Ngày 17/06/2013, Công ty cổ phần Điện Gia Lai công bố thông tin giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ như sau:

» Mã chứng khoán giao dịch	: SBT
» Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu tổ chức thực hiện giao dịch đang nắm giữ	: 10.608.230 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ: 8,29%
» Số lượng cổ phiếu đã đăng ký bán	: 2.000.0000 cổ phiếu
» Số lượng cổ phiếu đã giao dịch	: 2.000.0000 cổ phiếu
» Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch	: 8.608.230 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 6,73%
» Phương thức giao dịch	: Khớp lệnh
» Thời gian thực hiện giao dịch	: Từ ngày 29/05/2013 đến ngày 14/06/2013

Ngày 26/07/2013, Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh công bố thông tin báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty như sau:

» Mã chứng khoán	: SBT
» Số lượng cổ phiếu phát hành	: 6.574.200 cổ phiếu
» Mệnh giá	: 10.000 đồng / cổ phiếu
» Ngày phát hành	: 17/07/2013
» Số lượng cổ phiếu đã phân phối	: 6.574.200 cổ phiếu
» Số người lao động được phân phối	: 39 người.
» Tổng số cổ phiếu sau phát hành	: 148.500.000 cổ phiếu

Ngày 07/10/2013, Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh công bố thông tin mua cổ phiếu Công ty cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai (SEC) từ Công ty cổ phần Điện Gia Lai (GEC) như sau:

» Số lượng đăng ký mua	: 1.700.000 cổ phiếu
» Số lượng đã thực hiện	: 1.700.000 cổ phiếu
» Thời gian thực hiện	: Ngày 09/10/2013

Ngày 14/06/2013, Công ty cổ phần Điện Gia Lai công bố thông tin giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ như sau:

» Số lượng đăng ký bán lại	: 4.475.390 cổ phiếu
» Số lượng đã thực hiện	: 3.481.550 cổ phiếu
» Thời gian thực hiện	: Từ ngày 07/10/2013 đến ngày 05/11/2013
» Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi đăng ký giao dịch	: 8.475.390 cổ phiếu
» Số lượng cổ phiếu quỹ hiện có	: 4.993.840 cổ phiếu
» Giá giao dịch bình quân	: 12.594 đồng / cổ phiếu
» Phương thức giao dịch	: Giao dịch khớp lệnh

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CÁC CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

CÁC CỔ ĐÔNG

Công ty / Đơn vị liên quan	Số tiền (đồng)
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công	
» Bán hàng hóa	108.313.592.768
» Mua đường thô	267.376.797.263
» Thu từ bán cổ phiếu của Bourbon An Hòa	-
» Thu nhập lãi	8.755.418.606
» Chi phí lãi	1.062.639.417
» Cho vay	100.000.000.000
» Ứng trước mua đường và mật đường	67.200.000.000
» Chi phí quản lý	5.855.960.710
» Mua cổ phiếu của Đường Nước Trong	53.765.987.400
» Thu nhập từ cho thuê xe	36.000.000
» Cổ tức chi trả	52.871.400.000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Thuận Thiên	
» Bán cổ phiếu Đường La Ngà	-
» Mua hàng hóa	1.696.210.477
» Cho vay	60.000.000.000
» Thu nhập lãi	4.206.552.776
» Cổ tức chi trả	52.583.505.000

CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

Công ty / Đơn vị liên quan	Số tiền (đồng)
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công	
» Bán hàng hóa	3.138.579.924
» Mua đường thô	641.464.046
» Thu nhập lãi	6.332.666.665
» Thu nhập từ cho thuê xe tải	229.090.911
Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa	
» Thu nhập lãi	37.109.703.671
» Cho vay	-
» Trả nợ vay	165.652.791.317
» Trả trước cho mua quyền sử dụng đất	165.580.800.000
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	
» Bán hàng hóa	6.505.781.144
» Mua hàng hóa	34.223.736.928
» Cổ tức nhận được	13.630.296.000
» Phí gia công	1.533.039.715
» Phí bảo quản kho	64.611.107
» Mua cổ phiếu Đường Biên Hòa	68.151.480.000

 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đường La Ngà	
» Mua đường thô	23.182.246.616
» Cổ tức nhận được	4.489.764.400
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	
» Góp vốn	7.200.000.000
» Cho thuê đất	240.000.000
» Mua hom giống	3.861.000
» Mía nguyên liệu	129.931.000
» Phí phân tích đất	69.615.000
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	
» Bán hom giống	1.452.329.500
» Mua đường thô	13.333.333.000
» Cổ tức nhận được	2.778.604.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	
» Góp vốn	31.579.200.000
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai	
» Cổ tức nhận được	5.460.000.000
» Mua cổ phiếu Mía Đường Gia Lai	25.200.000.000
Hội đồng Quản trị	
» Tiền lương và thưởng	4.933.922.508



Sẵn sàng **ĐỘT PHÁ VƯƠN XA**

Định hướng đúng mục tiêu và nắm bắt kịp thời tình hình phát triển chung của thị trường là cơ hội để Thành Thành Công Tây Ninh thực hiện những bước đột phá vươn xa, mang lại lợi ích to lớn cho cổ đông, nhà đầu tư, CBCNV và xã hội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 87 Thông tin chung
- 88 Báo cáo của HĐQT
- 89 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 91 Bảng cân đối kế toán
- 94 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 95 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 97 Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG THÀNH THÀNH CÔNG TÂY NINH (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995

Giấy chứng nhận Đầu tư số 451031000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007

Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười ba lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451031000014 ngày 2 tháng 12 năm 2013. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Bà Đặng Huỳnh Ước My	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
	Ông Lê Văn Đình	Phó Chủ tịch
	Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên
	Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên (từ ngày 1 tháng 3 năm 2013)
	Bà Trần Quế Trang	Thành viên (đến ngày 28 tháng 2 năm 2013)
	Ông Thái Văn Chuyện	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Bá Chủ	Tổng Giám đốc
	Bà Trương Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trịnh Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 20 tháng 5 năm 2013)
	Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 7 năm 2013)
	Ông Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 7 năm 2013)
	Ông Phạm Hồng Dương	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 3 năm 2013)
	Ông Đình Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2013)
	Ông Kumarasamy Nallaiyan	Giám đốc Nông nghiệp (đến ngày 15 tháng 1 năm 2013)
	Bà Dương Thị Tô Châu	Giám đốc Thương mại
	Ông Nguyễn Thanh Khiêm	Giám đốc Nhà máy
	Ông Nguyễn Quốc Việt	Giám đốc Hỗ trợ (đến ngày 1 tháng 1 năm 2013)
	Ông Lê An Khang	Giám đốc Hỗ trợ (từ ngày 1 tháng 2 năm 2013, đến ngày 1 tháng 6 năm 2013)
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng Ban Kiểm soát
	Ông Lê Nho Đình	Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2013)
	Ông Lê Văn Hòa	Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2013)
	Ông Nguyễn Trọng Hòa	Thành viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2013)
	Ông Nguyễn Tiến Cương	Thành viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Trụ sở đăng ký	Xã Tân Hưng Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh) ("Công ty") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Đặng Huỳnh Ước My
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
(trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh) ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 19 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 91 đến trang 136.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230
Báo cáo kiểm toán số: 13-01-301



Chang Hung Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0863-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2014

Lâm Thị Ngọc Hảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0866-2013-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.796.911.455.438	1.421.289.426.760
Tiền	110	5	277.785.657.209	110.669.897.291
Tiền	111		277.785.657.209	110.669.897.291
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12	118.541.861.042	202.458.604.234
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		171.464.251.319	297.983.547.843
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(52.922.390.277)	(95.524.943.609)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	1.116.751.309.834	729.502.883.593
Phải thu khách hàng	131		189.041.854.158	264.032.376.939
Trả trước cho người bán	132		881.212.336.447	418.517.643.528
Các khoản phải thu khác	135		68.842.727.529	69.995.237.367
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(22.345.608.300)	(23.042.374.241)
Hàng tồn kho	140	7	230.951.775.462	339.388.288.019
Hàng tồn kho	141		231.194.332.349	339.630.844.906
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(242.556.887)	(242.556.887)
Tài sản ngắn hạn khác	150		52.880.851.891	39.269.753.623
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	51.687.227.891	34.332.668.947
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	2.357.450.779
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.193.624.000	2.579.633.897
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		1.453.139.061.487	1.213.104.199.105
Các khoản phải thu dài hạn	210	6	58.670.084.709	54.686.136.164
Phải thu dài hạn khác	218		58.670.084.709	54.686.136.164
Tài sản cố định	220		638.265.082.511	645.580.386.104
Tài sản cố định hữu hình	221	9	537.483.957.859	540.043.448.468
Nguyên giá	222		1.686.163.287.464	1.613.205.566.904
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.148.679.329.605)	(1.073.162.118.436)
Tài sản cố định vô hình	227	10	41.461.660.259	42.665.949.536
Nguyên giá	228		51.108.741.971	51.212.046.019
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.647.081.712)	(8.546.096.483)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	59.319.464.393	62.870.988.100

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	748.565.574.194	499.582.134.384
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		696.012.839.523	435.754.797.123
Đầu tư dài hạn khác	258		75.762.012.204	94.887.933.904
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(23.209.277.533)	(31.060.596.643)
Tài sản dài hạn khác	260		7.638.320.073	13.255.542.453
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.553.111.727	7.843.741.131
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	6.085.208.346	5.273.753.022
Tài sản dài hạn khác	268		-	138.048.300
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.250.050.516.925	2.634.393.625.865

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.409.325.905.709	938.635.369.571
Nợ ngắn hạn	310		1.331.029.026.709	889.469.256.095
Vay ngắn hạn	311	15	1.001.678.320.139	714.178.138.970
Phải trả người bán	312	16	178.847.802.816	41.460.174.576
Người mua trả tiền trước	313	17	61.691.947.079	29.752.623.024
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	7.874.801.394	4.980.685.467
Phải trả người lao động	315		4.822.806.760	9.431.820.585
Chi phí phải trả	316	19	51.936.591.686	60.051.144.927
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	20	7.729.536.130	19.174.814.536
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	21	16.447.220.705	10.439.854.010
Vay dài hạn	330		78.296.879.000	49.166.113.476
Vay dài hạn	334	22	78.296.879.000	49.166.113.476
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.840.724.611.216	1.695.758.256.294
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.840.724.611.216	1.695.758.256.294
Vốn cổ phần	411	24	1.485.000.000.000	1.419.258.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		14.732.000.010	7.594.294.697
Cổ phiếu quỹ	414	24	(61.577.199.043)	(129.471.347.730)
Quỹ đầu tư phát triển	417		97.098.444.233	60.085.099.152
Quỹ dự phòng tài chính	418		87.560.743.223	69.054.070.682
Lợi nhuận chưa phân phối	420		217.910.622.793	269.238.139.493
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.250.050.516.925	2.634.393.625.865

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công (KG)	2.333.364	6.679.726
Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	8.224.714.261	4.868.349.860
Ngoại tệ Đô la Mỹ ("USD")	11.798	6.601
Ngoại tệ Euro ("EUR")	-	500
Ngoại tệ Riel ("KHR")	47.000	-

Ngày 19 tháng 3 năm 2014

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tổng doanh thu	01	27	2.222.417.882.389	1.962.751.919.403
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	2.377.648.307	1.923.036.716
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	27	2.220.040.234.082	1.960.828.882.687
Giá vốn hàng bán	11	28	1.939.058.966.926	1.590.813.929.308
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		280.981.267.156	370.014.953.379
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	154.653.120.260	313.208.759.969
Chi phí tài chính	22	30	52.114.578.115	171.775.061.039
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		95.727.748.245	75.345.627.183
Chi phí bán hàng	24		48.587.602.597	40.496.493.149
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		64.476.689.490	56.957.642.859
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		270.455.517.214	413.994.516.301
Thu nhập khác	31		9.036.711.042	20.142.772.720
Chi phí khác	32		3.999.425.291	11.866.245.096
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		5.037.285.751	8.276.527.624
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		275.492.802.965	422.271.043.925
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	37.297.591.303	51.380.336.886
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(811.455.324)	757.256.230
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		239.006.666.986	370.133.450.809
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		32	1.744	2.890

Ngày 19 tháng 3 năm 2014

Người lập:

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VNĐ	2012 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		275.492.802.965	422.271.043.925
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		84.425.873.301	81.280.057.510
Các khoản dự phòng	03		(53.436.260.894)	101.701.159.171
Xóa sổ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	05		1.120.024.605	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(2.165.879.938)	(603.892.001)
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư cổ phiếu	05		-	(185.554.905.691)
Lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản vay cấp cho công ty liên quan	05		(58.625.141.316)	(62.578.016.862)
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	05		(64.810.450.331)	(39.645.920.757)
Thu nhập cổ tức	05		(30.853.567.400)	(24.935.208.400)
Chi phí lãi vay	06		95.727.748.245	75.345.627.183
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		246.875.149.237	367.279.944.078
Biến động các khoản phải thu	09		(342.439.075.030)	(260.411.056.188)
Biến động hàng tồn kho	10		108.436.512.557	(59.045.765.987)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		139.719.650.565	6.197.095.553
Biến động chi phí trả trước	12		(10.307.550.439)	4.034.821.963
			142.284.686.890	58.055.039.419
Tiền lãi vay đã trả	13		(95.544.143.103)	(79.374.443.157)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(29.795.877.960)	(61.609.058.012)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15		(23.603.309.369)	(29.334.186.634)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(6.658.643.542)	(112.262.648.384)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VNĐ	2012 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(79.836.990.290)	(89.831.897.139)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		3.015.896.814	5.796.676.910
Tiền chi các khoản vay cho các bên liên quan	23		(160.000.000.000)	(202.500.000.000)
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào công ty liên kết và chứng khoán	24		-	374.750.000.000
Tiền thu từ các khoản vay cho các bên liên quan khác	24		325.652.791.317	188.406.644.027
Tiền thu đầu tư dài hạn khác	24		268.816.700	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(241.400.937.400)	(154.996.215.000)
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		52.788.213.626	45.169.624.954
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(99.512.209.233)	166.794.833.752
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành vốn cổ phần	31		65.742.000.000	-
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31		95.331.854.000	30.450.000.000
Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	32		-	(33.231.840.138)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		3.111.971.563.281	2.250.038.686.148
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.795.340.616.588)	(1.832.395.032.388)
Tiền chi trả cổ tức	36		(204.418.188.000)	(447.450.011.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		273.286.612.693	(32.588.197.978)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		167.115.759.918	21.943.987.390
Tiền đầu năm	60		110.669.897.291	88.725.909.901
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	277.785.657.209	110.669.897.291

Ngày 19 tháng 3 năm 2014

Người lập:

Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 277/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 784 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 266 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 810 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 303 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Phần lợi nhuận được phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty nhận đầu tư phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Phần lợi nhuận phân phối từ các nguồn không phải là kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày được Công ty mua lại được xem như là khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách

rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

» Nhà cửa	5 – 30 năm
» Máy móc và thiết bị	2 – 20 năm
» Phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
» Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
» Khác	4 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí nâng cấp và cải tạo và được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Dự phòng chi phí hoạt động cố định

Dự phòng chi phí hoạt động cố định liên quan đến các chi phí ước tính có thể phát sinh trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và các đánh giá hợp lý của Ban Giám đốc. Theo đó, các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong các báo cáo định kỳ.

(m) Quĩ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phân ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân ánh là nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân ánh là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân ánh các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) **Vốn cổ phần**

(i) **Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) **Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Việc phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được căn cứ theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội Cổ đông hàng năm.

(q) **Doanh thu và thu nhập khác**

(i) **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) **Doanh thu điện**

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) **Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) **Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(r) **Các khoản thanh toán thuế hoạt động**

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuế. Các khoản hoa hồng đi thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuế.

(s) **Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(t) **Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(u) **Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) **Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. **Báo cáo bộ phận**

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. **Tiền**

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền mặt	762.717.591	400.448.204
Tiền gửi ngân hàng	277.022.939.618	110.269.449.087
Tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	277.785.657.209	110.669.897.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Phải thu từ một cổ đông		
Thương mại	17.549.324.747	42.132.639.800
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Thương mại	5.006.120.324	-
Phi thương mại	-	3.848.954.161

Các khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được bảo đảm, chịu lãi suất năm là 11,5% trong năm và có thể thu được khi có nhu cầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 82.700 triệu VNĐ và VNĐ tương đương 32,5 triệu USD (31/12/2012: 160.486 triệu VNĐ và VNĐ tương đương 10 triệu USD) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Bao gồm trong ứng trước cho người bán có các khoản ứng trước các bên liên quan sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Ứng trước cho các cổ đông		
Thương mại	78.349.000.000	-
Ứng trước cho các công ty liên quan khác		
Thương mại	249.653.895.750	-

Khoản ứng trước cho các công ty liên quan không được đảm bảo và chịu lãi suất năm là 11,5% trong năm.

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu dài hạn khác là khoản ứng trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	445.869.183.856	301.317.238.306
Ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía	45.248.588.480	54.686.136.164
	491.117.772.336	356.003.374.470

Trong năm, Công ty đã ghi nhận khoản ứng trước cho nông dân trồng mía với giá trị là 122.114.973.700 VNĐ thông qua việc bán mía (2012: 106.992.019.400 VNĐ) và đã cấn trừ khoản 279.058.113.666 VNĐ ứng trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (2012: 265.547.681.375 VNĐ).

Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất năm dao động từ 8.4% đến 16.5% trong năm (2012: 8% đến 13,5%). Các khoản ứng trước được thu hồi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	65.118.841.717	43.377.407.139
Lãi phải thu từ các khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa, một công ty liên kết	1.825.163.039	3.848.954.161
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công, một cổ đông	114.679.167	-
Phải thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	20.300.000.000
Phải thu từ bảo hiểm nhân thọ	-	848.473.700
Phải thu khác	1.784.043.606	1.620.402.367
	68.842.727.529	69.995.237.367

Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía	45.248.588.480	54.686.136.164
Phải thu từ Công ty TNHH Svayrieng – Cam Pu Chia	13.421.496.229	-
	58.670.084.709	54.686.136.164

Khoản phải thu dài hạn khác bao gồm khoản 13.421.496.229 VNĐ (2012: không) góp cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Svayrieng, để phát triển dự án trồng mía ở Cam Pu Chia trong mười năm. Công ty sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này. Công ty cam kết thu mua toàn bộ mía thu hoạch từ dự án này.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Nguyên vật liệu	38.893.215.873	62.041.234.378
Công cụ và dụng cụ	148.558.835	64.102.810
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.561.949.710	43.771.079.175
Thành phẩm	148.754.394.232	207.870.694.011
Hàng hóa	8.903.325	9.996.507.532
Hàng gửi đi bán	10.827.310.374	15.887.227.000
	231.194.332.349	339.630.844.906
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(242.556.887)	(242.556.887)
	230.951.775.462	339.388.288.019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	279.333.832.755	1.242.545.956.398	24.186.483.462	8.295.498.140	58.843.796.149	1.613.205.566.904
Tăng trong năm	-	14.409.514.207	2.798.240.908	700.333.000	-	17.908.088.115
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	65.045.031.532	-	-	-	65.045.031.532
Thanh lý	-	(1.191.102.753)	(104.050.000)	-	(355.061.728)	(1.650.214.481)
Xóa số	-	-	(1.877.012.709)	(2.715.144.492)	-	(4.592.157.201)
Phân loại lại (*)	(419.962.501)	(1.833.605.989)	(106.624.000)	(1.309.431.024)	(83.403.891)	(3.753.027.405)
Số dư cuối năm	278.913.870.254	1.318.975.793.395	24.897.037.661	4.971.255.624	58.405.330.530	1.686.163.287.464
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	136.322.152.230	861.605.204.542	11.473.621.976	7.391.736.656	56.369.403.032	1.073.162.118.436
Khấu hao trong năm	10.110.579.415	67.997.018.017	3.033.817.576	375.747.600	2.389.051.671	83.906.214.279
Thanh lý	-	(368.623.115)	(76.512.762)	-	(355.061.728)	(800.197.605)
Xóa số	-	-	(1.877.012.709)	(2.715.144.492)	-	(4.592.157.201)
Phân loại lại (*)	(357.409.908)	(1.451.365.620)	(106.624.000)	(1.014.143.779)	(67.104.997)	(2.996.648.304)
Số dư cuối năm	146.075.321.737	927.782.233.824	12.447.290.081	4.038.195.985	58.336.287.978	1.148.679.329.605
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	143.011.680.525	380.940.751.856	12.712.861.486	903.761.484	2.474.393.117	540.043.448.468
Số dư cuối năm	132.838.548.517	391.193.559.571	12.449.747.580	933.059.639	69.042.552	537.483.957.859

Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ 230.951 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 60.514 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Bao gồm trong chi phí trả trước ngắn hạn là khoản 51.637.527.893 VNĐ hỗ trợ cho nông dân để trồng mía cho vụ mùa tiếp theo (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 34.266.568.947 VNĐ). Chi phí hỗ trợ này sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất cho vụ mùa tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), là có nguyên giá từ 30 triệu VNĐ trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 13).

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản với nguyên giá 226.436 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 163.328 triệu VNĐ).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 216.196 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 243.431 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	47.483.754.819	3.728.291.200	51.212.046.019
Tăng trong năm	-	43.500.000	43.500.000
Phân loại lại (*)	-	(146.804.048)	(146.804.048)
Số dư cuối năm	47.483.754.819	3.624.987.152	51.108.741.971
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.602.982.425	2.943.114.058	8.546.096.483
Khấu hao trong năm	1.047.782.278	200.006.999	1.247.789.277
Phân loại lại (*)	-	(146.804.048)	(146.804.048)
Số dư cuối năm	6.650.764.703	2.996.317.009	9.647.081.712
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	41.880.772.394	785.177.142	42.665.949.536
Số dư cuối năm	40.832.990.116	628.670.143	41.461.660.259

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VNĐ trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 13).

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản với nguyên giá 4.008 triệu VNĐ đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.155 triệu VNĐ).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 40.832 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 41.881 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	62.870.988.100	36.829.486.105
Tăng trong năm	62.613.532.430	80.616.336.704
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(65.045.031.532)	(41.946.309.615)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(749.962.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(11.878.563.094)
Xóa sổ	(1.120.024.605)	-
Số dư cuối năm	59.319.464.393	62.870.988.100

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính bao gồm:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Thay thế thiết bị sản xuất cũ	18.165.129.872	47.333.614.684
Dự án Espace Bourbon Tây Ninh	20.319.586.111	12.917.142.603
Khác	20.834.748.410	2.620.230.813
	59.319.464.393	62.870.988.100

Trong năm, chi phí vay và chi phí khấu hao được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang lần lượt là 641.941.177 VNĐ (2012: 1.204 triệu VNĐ) và 728.130.255 VNĐ (2012: không).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

12. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2013			31/12/2012				
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VNĐ	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VNĐ
(a) Đầu tư tài chính dài hạn								
Đầu tư vốn dài hạn vào các công ty liên kết:								
■ Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (i)	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000
■ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (ii)	13.630.296	21,64%	21,64%	197.682.217.123	6.815.148	21,64%	21,64%	129.530.737.123
■ Công ty Cổ phần Đường La Ngà (iii)	2.040.802	24,89%	24,89%	61.224.060.000	2.040.802	24,89%	24,89%	61.224.060.000
■ Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (iv)	1.389.302	23,95%	23,95%	53.765.987.400	-	-	-	-
■ Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (v)	3.157.920	26,32%	26,32%	31.579.200.000	-	-	-	-
■ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (vi)	720.000	24,00%	24,00%	7.200.000.000	-	-	-	-
■ Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai (vii)	6.720.000	24,13%	24,13%	99.561.375.000	-	-	-	-
				696.012.839.523				435.754.797.123
Đầu tư dài hạn khác								
Đầu tư cổ phiếu (viii)				74.915.050.000				93.772.155.000
Đầu tư dài hạn khác				846.962.204				1.115.778.904
				75.762.012.204				94.887.933.904
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(23.209.277.533)				(31.060.596.643)
				748.565.574.194				499.582.134.384

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(b) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa, một công ty liên kết (ix)	171.464.251.319	297.983.547.843
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(52.922.390.277)	(95.524.943.609)
	118.541.861.042	202.458.604.234

(i) Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (“Bourbon An Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của Bourbon An Hòa đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã thế chấp toàn bộ cổ phần của Bourbon An Hòa cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng cấp cho Bourbon An Hòa.

(ii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Đường Biên Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất và mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất và mua bán cồn; kinh doanh bất động sản và dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, 5.815.148 cổ phiếu của Đường Biên Hòa với giá trị ghi sổ là 84.338 triệu VNĐ được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

(iii) Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà (“Đường La Ngà”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 47030000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 3 năm 2000. Trụ sở chính của Đường La Ngà đặt tại Km 35, Cao tốc 20, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất đường, bánh kẹo, cồn, rượu; chế biến các sản phẩm sau đường, đồ uống có cồn và không có cồn, đồ uống lạnh; chế biến các sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp; sản xuất phân bón hữu cơ tổng hợp; chế biến thức ăn gia súc; trồng trọt và chăn nuôi gia súc; xây dựng các công trình công cộng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; sản xuất và cung cấp giống cây; sản xuất nước sạch, điện; sản xuất và kinh doanh đồ trang trí nội thất và đồ gỗ; sản xuất, sửa chữa và mua bán các sản phẩm cơ khí; mua bán vật liệu xây dựng ngành nông nghiệp và công nghiệp.

(iv) Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (“Đường Nước Trong”) được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.

(v) Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (“Hóa chất Tây Ninh”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900914957 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 1 năm 2013. Trụ sở chính của Hóa chất Tây Ninh đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất tinh bột và các sản phẩm liên quan đến tinh bột; sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo, đồ uống không có cồn và nước khoáng, hợp chất nitơ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

(vi) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (“Mía Đường Thành Thành Công”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính của Mía Đường Thành Thành Công đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.

(vii) Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai (“Mía đường Gia Lai”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 5900421955 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp ngày 21 tháng 7 năm 2009. Trụ sở chính của Mía đường Gia Lai đặt tại Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất đường và các phụ phẩm từ mía đường để bán; trồng mía; sản xuất điện để bán; thiết kế công trình dân dụng; chế biến sản phẩm nông nghiệp; sản xuất và kinh doanh phân bón; và đầu tư vào thị trường tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, 4.200.000 cổ phiếu của Mía đường Gia Lai với giá trị ghi sổ là 62.225 triệu VNĐ được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

(viii) Đầu tư cổ phiếu bao gồm:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai	-	-	2.500.000	48.823.125.000
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	5.993.204	74.915.050.000	2.996.602	44.949.030.000
	5.993.204	74.915.050.000	5.496.602	93.772.155.000

(ix) Các khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa, một công ty liên kết không được bảo đảm và có lãi suất năm là 12% trong năm (2012: từ 15% đến 18,5%). Khoản lãi lũy kế phát sinh trong năm là 39.133.494.793 VNĐ (2012: 93.483.547.843 VNĐ) đã được chuyển đổi thành nợ gốc vay.

Biến động đầu tư ngắn hạn và dài hạn trong năm như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	297.983.547.843	90.358.494.207	530.642.731.027	612.639.760.156
Tăng đầu tư trong năm	39.133.494.793	295.983.547.843	241.400.937.400	154.996.215.000
Chuyển từ đầu tư dài hạn sang đầu tư ngắn hạn	-	100.000.000.000	-	(100.000.000.000)
Thanh lý	-	-	-	(136.945.094.309)
Thu hồi các khoản đầu tư trong năm	(165.652.791.317)	(188.358.494.207)	(268.816.700)	(48.149.820)
Số dư cuối năm	171.464.251.319	297.983.547.843	771.774.851.727	530.642.731.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư trong năm như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	95.524.943.609	-	31.060.596.643	36.339.400.956
Tăng trong năm	-	95.524.943.609	-	1.672.004.162
Sử dụng trong năm	-	-	-	(6.950.808.475)
Hoàn nhập	(42.602.553.332)	-	(7.851.319.110)	-
Số dư cuối năm	52.922.390.277	95.524.943.609	23.209.277.533	31.060.596.643

13. Chi phí trả trước dài hạn

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	7.843.741.131	-
Tăng trong năm	3.346.334.266	3.808.919.168
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình – giá trị thuần (Thuyết minh 9)	756.379.101	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	11.878.563.094
Phân bổ trong năm	(10.393.342.771)	(7.843.741.131)
Số dư cuối năm	1.553.111.727	7.843.741.131

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí phải trả.

15. Vay ngắn hạn

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Vay ngắn hạn	966.704.978.139	691.332.892.670
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22)	34.973.342.000	22.845.246.300
	1.001.678.320.139	714.178.138.970

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VNĐ	6,5% - 8,5%	315.500.000.000	197.840.478.236
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	USD	-	-	92.588.350.000
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	VNĐ	6,5% - 9,8%	157.805.501.232	196.832.871.434
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)	VNĐ	6,3% - 9%	39.723.329.710	115.250.000.000
• Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (iv)	VNĐ	6,5% - 9,5%	117.000.000.000	-
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (v)	VNĐ	6,5% - 11%	170.739.147.197	88.821.193.000
• Ngân hàng TNHH Thương mại Chinatrust (Việt Nam) (vi)	VNĐ	7% - 8,5%	63.000.000.000	-
• Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam (vii)	VNĐ	6% - 8,9%	16.000.000.000	-
• Ngân hàng TMCP Quân đội (viii)	VNĐ	6,5% - 7,5%	64.367.000.000	-
• Khoản vay không đảm bảo từ nhân viên	VNĐ	12%	19.170.000.000	-
• Khoản vay không đảm bảo từ Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tây Ninh	VNĐ	0%	3.400.000.000	-
			966.704.978.139	691.332.892.670

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 14 triệu USD (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 14 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất của dự án Espace Bourbon Tây Ninh với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 33.012 triệu VNĐ và các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với giá trị lần lượt là 82.700 triệu VNĐ và 10 triệu USD (ngày 31 tháng 12 năm 2012: lần lượt là 33.741 triệu VNĐ, 82.700 triệu VNĐ và 10 triệu USD).
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250.000 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 200.000 triệu VNĐ). Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 lần lượt là 132.838 triệu VNĐ và 7.820 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: lần lượt là 143.012 triệu VNĐ và 8.140 triệu VNĐ).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 15 triệu USD (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 10 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với giá trị là 22,5 triệu USD (ngày 31 tháng 12 năm 2012: khoản phải thu và hàng tồn kho có giá trị lần lượt là 77.786 triệu VNĐ và 60.514 triệu VNĐ).
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150.000 triệu VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với giá trị là 155.000 triệu VNĐ.
- (v) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400.000 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 400.000 triệu VNĐ). Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 83.358 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 100.419 triệu VNĐ).
- (vi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3,6 triệu USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với giá trị là 62.400 triệu VNĐ.
- (vii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VNĐ. Khoản vay này không được đảm bảo.
- (viii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với giá trị là 144.000 triệu VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

16. Các khoản phải trả người bán

Bao gồm trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Phải trả các cổ đông	4.605.821.000	-

Khoản phải trả thương mại đối với cổ đông không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

17. Người mua trả tiền trước

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)	35.743.710.000	29.374.700.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa, một công ty liên quan để mua đường	23.529.261.301	-
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công, một công ty liên quan để mua mật đường	4.059.200	-
Các khách hàng khác	2.414.916.578	377.923.024
	61.691.947.079	29.752.623.024

Khoản tạm ứng từ các công ty liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

(*) Số dư phản ánh khoản tạm ứng bằng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Theo hợp đồng này, Công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng của Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại số 217-219, Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	2.292.429.531	4.980.685.467
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.310.865.799	-
Thuế thu nhập cá nhân	271.506.064	-
	7.874.801.394	4.980.685.467

19. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Chi phí mua mía từ nông dân	45.656.504.002	52.035.661.600
Phí vận chuyển và bốc dỡ	1.748.569.468	3.228.683.000
Chi phí lãi vay	2.614.594.574	2.430.989.432
Phép năm không sử dụng	410.338.120	1.197.102.280
Chi phí khác	1.506.585.522	1.158.708.615
	51.936.591.686	60.051.144.927

20. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Chi phí vận chuyển và thu hoạch mía	4.167.709.757	16.528.681.190
Phải trả cho Công ty TNHH Mía Đường Tây Ninh	1.200.000.000	1.200.000.000
Cổ tức phải trả	1.543.130.110	757.828.110
Phải trả khác	818.696.263	688.305.236
	7.729.536.130	19.174.814.536

Bao gồm trong khoản phải trả khác có khoản phải trả cho các bên liên quan sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Khoản phải trả phi thương mại cho các bên liên quan khác	1.543.130.110	757.828.110

Khoản phải trả các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

21. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	10.439.854.010	1.459.224.234
Tăng trong năm	29.610.676.064	38.314.816.410
Sử dụng trong năm	(23.603.309.369)	(29.334.186.634)
Số dư cuối năm	16.447.220.705	10.439.854.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

22. Vay dài hạn

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Vay dài hạn	113.270.221.000	72.011.359.776
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 15)	(34.973.342.000)	(22.845.246.300)
Hoàn trả sau 12 tháng	78.296.879.000	49.166.113.476

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Vay dài hạn không được đảm bảo:					
• Công ty TNHH Mía Đường Tây Ninh (i)	VNĐ	4,62%	2020	15.511.221.000	17.897.563.000
Vay dài hạn được đảm bảo:					
• Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tây Ninh (ii)	VNĐ	9,6%-11,4%	2016	3.159.000.000	4.211.000.000
• Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tây Ninh (ii)	VNĐ	9,60%	2016	5.700.000.000	-
• Ngân hàng TMCP Á Châu (iii)	VNĐ	11,5%	2016	25.475.000.000	-
• Ngân hàng TMCP Á Châu (iii)	VNĐ	11,5%	2016	63.425.000.000	-
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VNĐ	-	-	-	49.902.796.776
				113.270.221.000	72.011.359.776

(i) Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36.000 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 36.000 triệu VNĐ). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được hoàn trả trong 13 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.193 triệu VNĐ. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.

(ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.700 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 5.000 triệu VNĐ). Số dư 3.159.000.000 VNĐ của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được hoàn trả trong 11 quý bằng nhau, mỗi quý trả 263 triệu VNĐ và kỳ cuối cùng trả 266 triệu VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Số dư 5.700.000.000 VNĐ của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được hoàn trả trong 12 quý bằng nhau, mỗi quý trả 475 triệu VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bởi Thư tín dụng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với giá trị là 2.500 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.500 triệu VNĐ) và Thư tín dụng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với giá trị là 2.850 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không).

(iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120.000 triệu VNĐ. Số dư 25.475.000.000 VNĐ của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được hoàn trả trong 5 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 4.246 triệu VNĐ và kỳ cuối cùng trả 4.242 triệu VNĐ vào ngày 20 tháng 11 năm 2016. Số dư 63.425.000.000 VNĐ của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được hoàn trả trong 5 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 10.571 triệu VNĐ và kỳ cuối cùng trả 10.570 triệu VNĐ vào ngày 25 tháng 11 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng 4.200.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và 5.815.148 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa với giá trị ghi sổ là 146.563 triệu VNĐ.

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	1.419.258.000.000	-	(139.395.212.895)	4.786.442.297	41.404.742.255	468.107.790.376	1.794.161.762.033
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(33.231.840.138)	-	-	-	(33.231.840.138)
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	7.594.294.697	43.155.705.303	-	-	-	50.750.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	370.133.450.809	370.133.450.809
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	55.298.656.855	27.649.328.427	(121.262.801.692)	(38.314.816.410)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	(447.740.300.000)	(447.740.300.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	1.419.258.000.000	7.594.294.697	(129.471.347.730)	60.085.099.152	69.054.070.682	269.238.139.493	1.695.758.256.294
Phát hành vốn cổ phần	65.742.000.000	-	-	-	-	-	65.742.000.000
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	7.137.705.313	67.894.148.687	-	-	-	75.031.854.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	239.006.666.986	239.006.666.986
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	37.013.345.081	18.506.672.541	(85.130.693.686)	(29.610.676.064)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	(205.203.490.000)	(205.203.490.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	97.098.444.233	87.560.743.223	217.910.622.793	1.840.724.611.216

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	148.500.000	1.485.000.000.000	141.925.800	1.419.258.000.000
Cổ phiếu quỹ - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	(4.993.840)	(49.938.400.000)	(10.500.000)	(105.000.000.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	143.506.160	1.435.061.600.000	131.425.800	1.314.258.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2013		2012	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	131.425.800	1.314.258.000.000	130.581.700	1.305.817.000.000
Phát hành cổ phiếu trong năm	6.574.200	65.742.000.000	-	-
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong năm	5.506.160	55.061.600.000	3.500.000	35.000.000.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-	(2.655.900)	(26.559.000.000)
Số dư cuối năm	143.506.160	1.435.061.600.000	131.425.800	1.314.258.000.000

Biến động cổ phiếu quỹ trong năm như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	129.471.347.730	139.395.212.895
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong năm	(67.894.148.687)	(43.155.705.303)
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	33.231.840.138
Số dư cuối năm	61.577.199.043	129.471.347.730

Trong năm, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt phát hành lại toàn bộ cổ phiếu quỹ thông qua phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận với giá không thấp hơn 12.000 VNĐ một cổ phiếu. Theo đó, 5.506.160 cổ phiếu quỹ đã được phát hành lại vào tháng 1, 3, 4, 10 và 11 năm 2013 với giá dao động từ 12.400 VNĐ đến 15.777 VNĐ một cổ phiếu.

25. Cổ tức

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định phân phối cổ tức bằng tiền mặt tương đương 500 VNĐ cho một cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2012 và 500 VNĐ cho một cổ phiếu cho tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013. Vào ngày 10 tháng 12 năm 2013, Hội đồng Quản trị đã quyết định phân phối cổ tức bằng tiền mặt tương đương 500 VNĐ cho một cổ phiếu cho tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2013 (2012: cổ tức bằng tiền mặt tương đương 2.000 VNĐ cho một cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2011 và 1.500 VNĐ cho một cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2012).

26. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội cổ đông. Quỹ này được lập nhằm tạo nguồn vốn cho các rủi ro hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty.

27. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tổng doanh thu		
• Bán đường	1.982.660.499.695	1.708.602.729.126
• Bán mặt đường	78.762.269.901	76.114.651.622
• Bán điện	38.959.477.600	43.979.441.100
• Bán phân bón	101.714.695.273	100.485.008.141
• Khác	20.320.939.920	33.570.089.414
	2.222.417.882.389	1.962.751.919.403
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
• Giảm giá bán hàng	(2.377.648.307)	(1.923.036.716)
Doanh thu thuần	2.220.040.234.082	1.960.828.882.687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

28. Giá vốn hàng bán

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Giá vốn đường	1.716.693.876.122	1.365.479.758.664
Giá vốn mật đường	77.775.025.533	75.219.700.691
Giá vốn điện	36.286.311.266	38.389.857.364
Giá vốn phân bón	96.787.488.627	97.422.970.892
Khác	11.516.265.378	14.301.641.697
	1.939.058.966.926	1.590.813.929.308

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	64.810.450.331	39.645.920.757
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	585.214.064	6.191.995.651
Lãi từ khoản cho các công ty liên quan vay	58.039.927.252	56.386.021.211
Thu nhập cổ tức	30.853.567.400	24.935.208.400
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	363.961.213	494.708.259
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư cổ phiếu	-	185.554.905.691
	154.653.120.260	313.208.759.969

30. Chi phí tài chính

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí lãi vay	95.727.748.245	75.345.627.183
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	(50.453.872.442)	94.750.350.696
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	2.982.388.452	463.824.897
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.482.682.542	-
Chi phí khác	2.375.631.318	1.215.258.263
	52.114.578.115	171.775.061.039

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	37.054.065.134	49.859.780.069
Dự phòng thiếu trong các năm trước	243.526.169	1.520.556.817
	37.297.591.303	51.380.336.886
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(811.455.324)	757.256.230
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	36.486.135.979	52.137.593.116

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	275.492.802.965	422.271.043.925
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	27.549.280.297	42.227.104.393
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	16.040.910.189	22.456.533.983
Chi phí không được khấu trừ thuế	365.811.174	143.750.673
Thu nhập không bị tính thuế	(7.713.391.850)	(6.233.802.100)
Ưu đãi thuế	-	(7.976.550.650)
Dự phòng thiếu trong các năm trước	243.526.169	1.520.556.817
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	36.486.135.979	52.137.593.116

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%. Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

32. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 239.006 triệu VNĐ (2012: 370.133 triệu VNĐ) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 137.040.862 (2012: 128.083.124), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	239.006.666.986	370.133.450.809

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	131.425.800	130.581.700
Cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	3.091.637	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ phát hành lại trong năm	2.523.425	32.514
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	(2.531.090)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	137.040.862	128.083.124

33. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền gửi ngân hàng	(*)	277.022.939.618	110.269.449.087
Đầu tư tài chính ngắn hạn	(**)	118.541.861.042	202.458.604.234
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(***)	271.306.077.916	334.027.614.306
Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	(****)	468.772.164.036	332.961.000.229
		1.135.643.042.612	979.716.667.856

(*) Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(**) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc phân tích riêng biệt độ tin cậy của khả năng trả nợ. Việc trích lập dự phòng được thực hiện khi Ban Giám đốc thấy cần thiết và theo yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn nào khác cần thiết phải lập cho các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn chưa quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

	31/12/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Quá hạn từ 0 – 180 ngày	16.610.121.414	132.570.096.922
Quá hạn từ 181 – 365 ngày	83.072.093.453	19.011.236.479
Quá hạn trên 365	18.859.646.175	50.877.270.833
	118.541.861.042	202.458.604.234

(***) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu đảm bảo cho mỗi đơn đặt hàng đối với một số khách hàng. Khoản phải thu đảo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Chưa quá hạn	226.764.124.397	257.787.899.165
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	26.233.897.389	76.239.715.141
Quá hạn trên 30 ngày	18.308.056.130	-
	271.306.077.916	334.027.614.306

(****) Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản ứng trước cho người trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cấp tín dụng và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Một số nông dân trồng mía được yêu cầu thế chấp giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản Công ty ứng trước. Ngoài ra, người nông dân phải bán tất cả mía của họ cho Công ty và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản ứng trước tương ứng. Khoản ứng trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty. Người nông dân có số dư cho vay quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản cho vay mới.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản ứng trước cho nông dân trồng mía chưa quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản ứng trước như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Chưa quá hạn	464.764.411.574	328.284.560.532
Quá hạn trên 180 ngày	4.007.752.462	4.676.439.697
	468.772.164.036	332.961.000.229

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	23.042.374.241	18.538.162.841
Tăng trong năm	2.982.388.452	4.504.211.400
Sử dụng dự phòng trong năm	(3.679.154.393)	-
Số dư cuối năm	22.345.608.300	23.042.374.241

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Trong vòng 1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm	Hơn 5 năm
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	966.704.978.139	990.259.141.088	990.259.141.088	-	-	-
Phải trả người bán	178.847.802.816	178.847.802.816	178.847.802.816	-	-	-
Phải trả người lao động	4.822.806.760	4.822.806.760	4.822.806.760	-	-	-
Chi phí phải trả	51.936.591.686	51.936.591.686	51.936.591.686	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.729.536.130	7.729.536.130	7.729.536.130	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	113.270.221.000	354.176.796.941	297.100.247.133	14.130.570.364	13.126.850.563	29.819.128.881
	1.323.311.936.531	1.587.772.675.421	1.530.696.125.613	14.130.570.364	13.126.850.563	29.819.128.881

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Trong vòng 1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm	Hơn 5 năm
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	691.332.892.670	713.203.342.136	713.203.342.136	-	-	-
Phải trả người bán	41.460.174.576	41.460.174.576	41.460.174.576	-	-	-
Phải trả người lao động	9.431.820.585	9.431.820.585	9.431.820.585	-	-	-
Chi phí phải trả	60.051.144.927	60.051.144.927	60.051.144.927	-	-	-
Các khoản phải trả khác	19.174.814.536	19.174.814.536	19.174.814.536	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	72.011.359.776	86.159.311.532	25.645.576.282	27.764.824.901	26.363.958.258	6.384.952.091
	893.462.207.070	929.480.608.292	868.966.873.042	27.764.824.901	26.363.958.258	6.384.952.091

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VNĐ. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD
Tiền	11.798	6.601
Vay ngắn hạn	-	(4.400.000)
Phải trả người bán	(6.841.972)	-
	(6.830.174)	(4.393.399)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
1 USD	21.085	20.815

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VNĐ
31/12/2013 USD (yếu đi 1%)	(1.681.261.333)
31/12/2012 USD (yếu đi 2%)	(782.615.000)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, 1.055,6 tỷ VNĐ nợ phải trả của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi số	
	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Đầu tư tài chính ngắn hạn	118.541.861.042	202.458.604.234
Vay dài hạn	(24.370.221.000)	(72.011.359.776)
	94.171.640.042	130.447.244.458
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	277.022.939.618	110.269.449.087
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	423.523.575.556	278.274.864.065
Ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía	45.248.588.480	54.686.136.164
Vay ngắn hạn	(966.704.978.139)	(691.332.892.670)
Vay dài hạn	(88.900.000.000)	-
	(309.809.874.485)	(248.102.443.354)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản của lãi suất sẽ làm giảm 2.788 triệu lợi nhuận thuần của Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 3.173 triệu VNĐ). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:		
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	118.541.861.042	202.458.604.234
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền	277.022.939.618	110.269.449.087
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	271.306.077.916	334.027.614.306
- Trả trước cho người bán	468.772.164.036	332.961.000.229
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	74.915.050.000	93.772.155.000
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và phải trả khác	186.577.338.946	60.634.989.112
- Nợ ngắn hạn khác	56.759.398.446	69.482.965.512
- Vay	1.079.975.199.139	763.344.252.446

Những chính sách sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía, vay ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn khác:

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do những công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

Vay dài hạn và ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản vay dài hạn và ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường không có sẵn cho các công cụ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Đầu tư cổ phiếu

	31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	74.915.050.000	73.117.088.800

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa được xác định bằng cách tham chiếu tới giá thị trường trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Đầu tư dài hạn khác

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư dài hạn khác vào vốn chủ sở hữu theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường không có sẵn cho các tài sản tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Lãi phải thu chuyển đổi thành nợ gốc vay cho một công ty liên quan	39.133.494.793	93.483.547.843
Lãi phải thu cản trở với các khoản phải trả người bán	42.281.536.349	12.402.586.346

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Các Cổ đồng		
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	108.313.592.768	60.009.516.860
Mua đường thô	267.376.797.263	213.574.000.000
Thu từ bán cổ phiếu của Bourbon An Hòa	-	24.000.000.000
Thu nhập lãi	8.755.418.606	9.870.642.525
Chi phí lãi	1.062.639.417	2.442.568.333
Cho vay	100.000.000.000	188.000.000.000
Ứng trước mua đường và mật đường	67.200.000.000	134.537.560.000
Chi phí quản lý	5.855.960.710	5.627.000.000
Mua cổ phiếu của Đường Nước Trong	53.765.987.400	-
Thu nhập từ cho thuê xe	36.000.000	-
Cổ tức chi trả	52.871.400.000	123.366.600.000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Thuận Thiên		
Bán cổ phiếu Đường La Ngà	-	6.900.000.000
Mua hàng hóa	1.696.210.477	-
Cho vay	60.000.000.000	-
Thu nhập lãi	4.206.552.776	-
Cổ tức chi trả	52.583.505.000	122.694.845.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	3.138.579.924	-
Mua hàng hóa	641.464.046	-
Thu nhập lãi	6.332.666.665	-
Thu nhập từ cho thuê xe tải	229.090.911	-
Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa		
Thu nhập lãi	37.109.703.671	46.577.960.336
Cho vay	-	107.983.547.843
Trả nợ vay	165.652.791.317	-
Trả trước cho mua quyền sử dụng đất	165.580.800.000	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa		
Bán hàng hóa	6.505.781.144	11.942.561.446
Mua hàng hóa	34.223.736.928	3.188.429.301
Cổ tức nhận được	13.630.296.000	20.445.444.000
Phí gia công	1.533.039.715	-
Phí bảo quản kho	64.611.107	-
Mua cổ phiếu Đường Biên Hòa	68.151.480.000	-
Công ty Cổ phần Đường La Ngà		
Mua đường thô	23.182.246.616	-
Cổ tức nhận được	4.489.764.400	4.489.764.400
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công		
Góp vốn	7.200.000.000	-
Cho thuê đất	240.000.000	-
Mua hom giống	3.861.000	-
Mía nguyên liệu	129.931.000	-
Phí phân tích đất	69.615.000	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong		
Bán hom giống	1.452.329.500	-
Mua đường thô	13.333.333.000	-
Cổ tức nhận được	2.778.604.000	-

Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh

Góp vốn	31.579.200.000	-
---------	----------------	---

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai

Cổ tức nhận được	5.460.000.000	-
Mua cổ phiếu Mía Đường Gia Lai	25.200.000.000	48.823.125.000

Hội đồng Quản trị

Tiền lương và thưởng	4.933.922.508	2.954.676.000
----------------------	---------------	---------------

36. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng (*)	429.920.937.965	64.692.932.637
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	5.110.000.000	46.646.303.584
	435.030.937.965	111.339.236.221

(*) Các cam kết vốn đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng bao gồm:

	31/12/2013 VNĐ
Dự án Ethanol	299.713.350.000
Dự án Espace Bourbon Tây Ninh	113.680.413.889
Khác	16.527.174.076
	429.920.937.965

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Trong vòng một năm	471.719.767	293.877.817

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.763.116.960.096	1.402.257.095.037
Chi phí nhân công	90.334.346.843	76.383.072.198
Chi phí khấu hao	84.425.873.301	81.280.057.510
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.771.085.695	101.504.983.772
Chi phí khác	39.474.993.078	26.842.856.799

Ngày 19 tháng 3 năm 2014

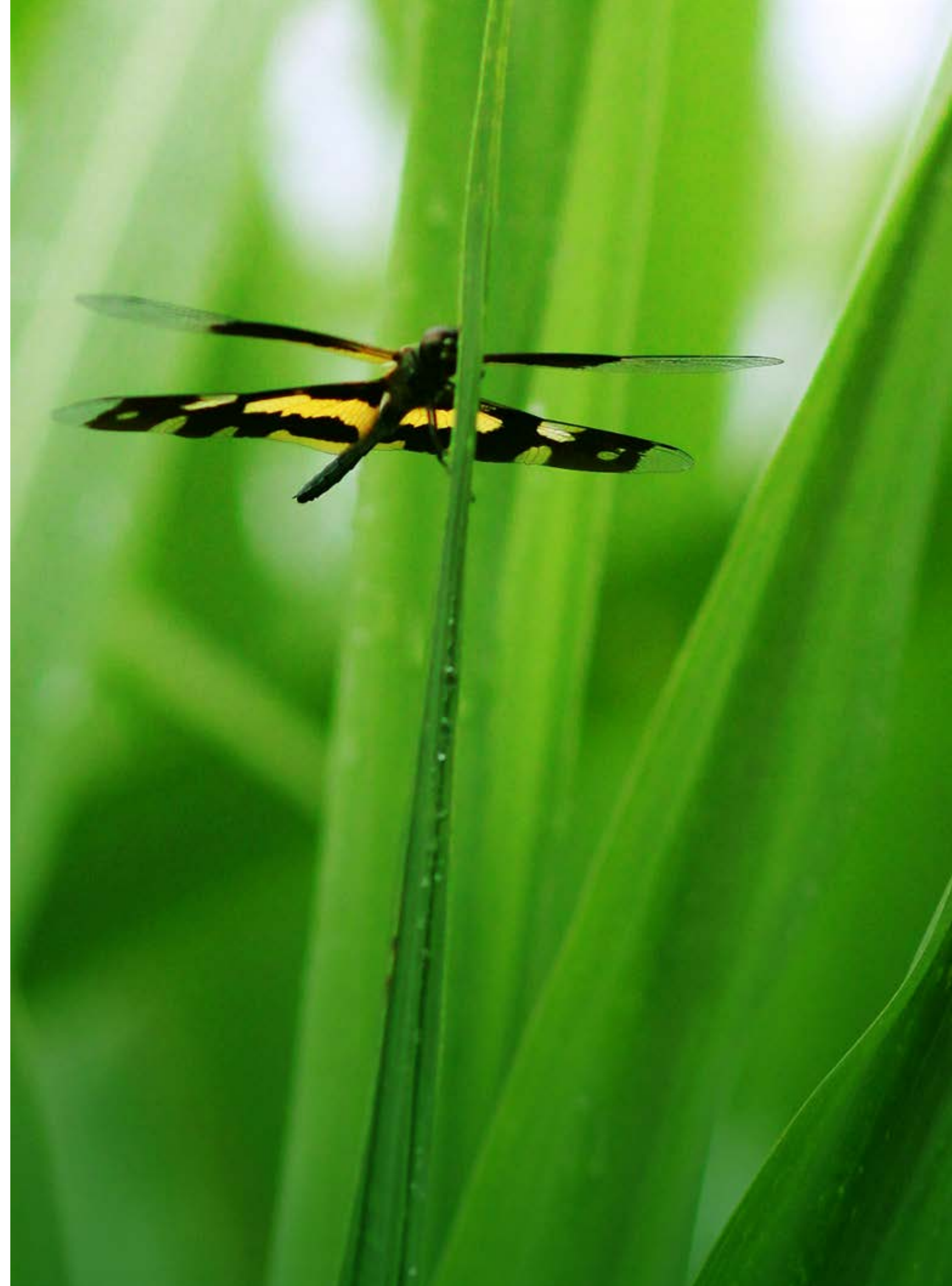
Người lập:

Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc



The logo consists of the letters 'TTC' in a bold, white, sans-serif font, followed by a stylized 'S' that forms a circular shape with a dot in the center, all in white.

THANH THANH CÔNG - TÂY NINH

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG
THÀNH THÀNH CÔNG TÂY NINH**

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh

Tel.: (066) 3753250 - Fax: (066) 3839834

Email: tts@ttcsugar.com.vn

Văn phòng thương mại:

Tầng 1 - 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, TP. HCM

Tel.: (08) 629 269 18 - 629 269 19 - Fax: (08). 629 269 20

www.ttcsugar.com.vn

The logo features the letters 'TTC' in a bold, white, sans-serif font. To the right of the letters is a stylized graphic element resembling a flame or a wing, colored in shades of orange and red.